**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

ISO 9001 : 2008

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH : KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Nguyễn Thị Loan**
**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

# HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Nguyễn Thị Loan**
**Giảng viên hướng dẫn:Ths. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
---

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Loan Mã SV:120241

Lớp: QT1203K Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát những lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
- Mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.
- Trên cơ sở những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại đơn vị thực tập.

..... ....
..... ....
..... ....
..... ....
..... ....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các chứng từ, sổ sách kế toán và các tài liệu khác liên quan đến công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.
- Kỳ lấy số liệu: năm 2011.

..... ....
..... ....
..... ....
..... ....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.

..... ....
..... ....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

Sinh viên Nguyễn Thị Loan trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp chấp hành tốt các nội quy, quy định của bộ môn và giáo viên hướng dẫn cả về thời gian cũng như nội dung được hướng dẫn. Hơn nữa, sinh viên Loan cũng rất chăm chỉ chịu khó nghiên cứu, tìm hiểu thực tế và tài liệu khác nhằm phục vụ cho bài khóa luận, số liệu phong phú, đa dạng. .....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):**

- Chương I: Đã khái quát được những lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp .....

- Chương II: Đã mô tả khá chi tiết thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.....

- Chương III: Trên cơ sở những ưu, nhược điểm, tác giả đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# MỤC LỤC

**LỜI MỞ ĐẦU ..... 1**

**CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN ..... 3**

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền ..... 3

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền ..... 3

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền và nhiệm vụ, nguyên tắc hạch toán ..... 4

1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền ..... 5

1.2.1. Luân chuyển chứng từ ..... 5

1.2.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ ..... 7

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt ..... 7

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán ..... 8

1.2.2.3. Kế toán phải thu, chi bằng tiền Việt Nam ..... 9

1.2.2.4. Kế toán các khoản thu, chi ngoại tệ ..... 11

1.2.2.5. Sơ đồ kế toán tổng quát tiền mặt bằng tiền Việt Nam ..... 15

1.2.2.6. Sơ đồ kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ ..... 16

1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng ..... 17

1.2.3.1. Chứng từ dùng để hạch toán tiền gửi ngân hàng ..... 17

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán ..... 17

1.2.3.3. Trình tự hạch toán tiền gửi tại ngân hàng ..... 18

1.2.3.3.1. Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam ..... 19

1.2.3.3.2. Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ ..... 20

1.2.4. Hạch toán tiền đang chuyển ..... 21

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng ..... 21

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng ..... 21

1.2.4.3. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển ..... 22

1.3. Hình thức sổ kế toán ..... 23

1.3.1. Hình thức nhật ký chung ..... 24

1.3.2. Hình thức nhật ký - sổ cái ..... 25
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ ..... 26
1.3.4. Hình thức nhật ký - chứng từ ..... 27
1.3.5. Hình thức kế toán máy ..... 28
**CHƯƠNG II - THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU ..... 29**
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 29
2.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 29
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty ..... 30
2.1.3. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay ..... 30
2.1.4. Một số kết quả đạt được của công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 31
2.2.1. Bộ máy tổ chức của công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 33
2.2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại đơn vị ..... 37
2.2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán ..... 37
2.2.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị....38
2.2. Thực trạng hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 42
2.2.1. Kế toán tiền mặt ..... 42
2.2.1.1. Đặc điểm về tiền mặt của Công ty ..... 42
2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng ..... 42
2.2.1.3. Phương pháp hạch toán tiền mặt ..... 43
2.2.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng ..... 55
**CHƯƠNG III - MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU ..... 75**
3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức kế toán và công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.75

3.1.1. Ưu điểm ..... 76
3.1.2. Hạn chế ..... 78
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 80
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện ..... 80
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện ..... 80
3.2.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu ..... 81
3.2.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách ..... 81
3.2.3.2. Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi ngân hàng ..... 84
3.2.3.3. Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối mỗi tháng hoặc định kỳ ..... 84
3.2.3.4. Hoàn thiện việc đưa tài khoản ngoại tệ vào hạch toán ..... 86
3.2.3.5. Hoàn thiện việc đưa phần mềm kế toán máy vào sử dụng ..... 86
3.2.3.6. Hoàn thiện việc tổ chức lập báo cáo tài chính ..... 87
**KẾT LUẬN ..... 90**
**TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 91**

# LỜI MỞ ĐẦU

**********

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình: vốn và nguồn, tăng và giảm... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt: thông tin và kiểm tra. Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụngchúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, côngtác

hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo: ***" Hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu"***

Nội dung của khóa luận này ngoài Lời mở đầu và Kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về hạch toán kế toán vốn bằng tiền.**

**Chương 2: Thực trạng hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Vận Tải Biển Nam Triệu.**

**Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác hạch toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Vận Tải Biển Nam Triệu.**

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo, đặc biệt là cô giáo **Th.S Phạm Thị Nga**, cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành chuyên đề thực tập này. Do những hạn chế về thời gian, khả năng chuyên môn và thực tế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý phê bình của thầy cô.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

# CHƯƠNG I
# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

## 1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền

### *1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:*

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

➢ Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

+ Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô la mỹ (USD), Bảng anh (GBP), Phrăng Pháp (FFR), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác đức (DM) ...

+ Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

➢ Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

+ Tiền tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

+ Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

+ Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

***1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền và nhiệm vụ, nguyên tắc hạch toán:***

- Đặc điểm vốn bằng tiền**:**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằn tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và ngân hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho ngân hàng.

- Nhiệm vụ**:**

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.

+ Giám đốc thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

+ Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.

+ Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

- Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền bao gồm:

+ Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là " đồng Việt Nam" để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.

+ Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra " đồng Việt Nam" để ghi sổ kế toán, đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.

+ Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, phải theo dõi trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ, giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá trị thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp giá trị thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.
- Phương pháp giá trị thực tế nhập trước, xuất trước.
- Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước.

+ Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng ... cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế chính xác.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

## 1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền:

### *1.2.1. Luân chuyển chứng từ:*

Để thu thập thông tin đầy đủ chính xác về trạng thái và biến động của tài sản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời ban lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kinh doanh của doanh nghiệp và làm căn cứ ghi sổ kế toán, cần thiết phải sử dụng chứng từ kế toán.

Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể

tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định, một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung, quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ...

Cũng như các loại chứng từ phát sinh khác, chứng từ theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền luôn thường xuyên vận động, sự vận động hay sự luân chuyển đó được xác định bởi khâu sau:

+ Tạo lập chứng từ: Do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Bởi vậy, tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của quản lý là phiếu thu, chi hay các hợp đồng... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ phải lập theo mẫu nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

+ Kiểm tra chứng từ: Khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ: các yếu tố phát sinh chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

+ Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán: cung cấp nhanh thông tin cho người quản lý phần hành này:

- Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.
- Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.

+ Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán: Trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

+ Lưu trữ chứng từ: Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là

tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc:

- Chứng từ không bị mất.
- Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.
- Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra hủy.

***1.2.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ:***

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

*1.2.2.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt:*

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi, lệnh thu chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu - chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu - chi thủ quỹ ký tên, đóng dấu " đã thu tiền" hoặc "đã chi tiền" trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán.

Ngoài phiếu chi, phiếu thu là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như: giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền...

*1.2.2.2. Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán:*

Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK111 " Tiền mặt". Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

- Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.

+ Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.

- Bên có:

+ Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vàng, bạc hiện còn tồn quỹ.

+ Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.

- Số dư bên nợ : Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

*Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp 2 :*

- TK 1111 : "Tiền Việt Nam" phản ánh tình hình thu, chi thừa, thiếu, tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp.

- TK 1112 : "Tiền ngoại tệ" phản ánh tình hình thu, chi thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1113 : "Vàng bạc, kim khí quý, đá quý" phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

Cơ sở pháp lý để ghi nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

***Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ trên TK 111:***

+ Chỉ phản ánh vào TK 111 số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập xuất quỹ.

+ Các khoản tiền, vàng, bạc,kim khí quý, đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác

ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị, riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đo đong đếm số lượng, trọng lượng và giám định chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

+ Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.

+ Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc trên một phần sổ.

+ Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch trên cơ sở báo cáo hoặc thiếu hụt.

*1.2.2.3. Kế toán phải thu, chi bằng tiền Việt Nam:*

➢ Quy định kế toán tiền mặt tại quỹ:

- Tiền mặt tại quỹ do thủ quỹ bảo quản và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ thu, chi căn cứ vào chứng từ hợp lệ, hợp pháp. Thủ quỹ do giám đốc chỉ định và không được nhờ người khác làm thay.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ

chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

➢ Chứng từ kế toán tiền mặt tại quỹ sử dụng:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng ( Mẫu số 04 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Và các chứng từ khác có liên quan.

➢ Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi tại công ty:

- Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần)

+ Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.

+ Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với chứng từ gốc để ghi sổ kế toán.

+ Liên 3: Giao cho người nộp tiền.

- Phiếu chi do kế toán lập thành 2 liên (hoặc 3 liên trong trường hợp các tổng công ty chi tiền cho đơn vị cấp dưới) (đặt giấy than viết 1 lần) nhưng lưu ý riêng phiếu chi tất cả các chữ ký phải ký sống.

+ Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.

+ Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng

với các chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

+ Liên 3 (nếu có): Giao cho người nhận tiền để làm chứng từ gốc lập phiếu thu và nhập quỹ của đơn vị nhận tiền.

Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu thu, phiếu chi sẽ được đính kèm với các chứng từ khác có liên quan trong nghiệp vụ để chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt. Tiếp theo chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập, xuất quỹ. Phiếu thu, phiếu chi phải ghi số quyển và số của từng phiếu thu, phiếu chi. Số phiếu thu, phiếu chi phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán để tránh các trường hợp gian lận, biển thủ công quỹ.

*1.2.2.4. Kế toán các khoản thu, chi ngoại tệ:*

- Các quy định về hạch toán ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ:

Một nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ đồng Việt Nam (VNĐ), việc quy đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch, đồng thời phải ghi chép bằng ngoại tện trên TK 007 - Ngoại tệ các loại.

- Nguyên tắc:

Đối với các tài khoản phản ánh vật tư, hàng hóa, TSCĐ, doanh thu, thu nhập và chi phí, khi có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến ngoại tệ thì luôn luôn được ghi sổ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (là tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước công bố vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế).

Đối với các tài khoản phản ánh vốn bằng tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển), các khoản nợ phải thu (phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác), các khoản nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả nội bộ, vay ngân hàng, nợ dài hạn...) khi phát sinh:

- Ghi tăng (bên nợ) các tài khoản vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Ghi giảm (bên có) tài khoản vốn bằng tiền theo tỉ giá thực tế xuất ngoại tệ (

bình quân, đích danh, FIFO, LIFO), và ghi giảm nợ phải thu, nợ phải trả theo tỷ giá ghi sổ (tỷ giá giao dịch lúc ghi nhận nợ phải thu hoặc nợ phải trả).

- Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động kinh doanh (kể cả hoạt động ĐT XDCB) của doanh nghiệp đang hoạt động được ghi nhận ngay vào TK 635 - Chi phí tài chính hoặc TK515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Mua ngoại tệ hoặc thanh toán công nợ bằng đồng Việt Nam được hạch toán theo tỉ giá mua thực tế hoặc tỷ giá thanh toán thực tế.

- Số chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ (Tổng phát sinh Có - Tổng phát sinh Nợ của TK 413) được phản ánh vào TK 515 nếu kết quả là dương hoặc vào TK 635 nếu kết quả là âm.

- Các doanh nghiệp không chuyên kinh doanh ngoại tệ khi có các NVKT về ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế. Chênh lệch tỷ giá mua vào và bán ra được hạch toán vào TK 515 hoặc TK 635.

- Cuối kỳ năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ trên các TK vốn bằng tiền, nợ phải thu, phải trả... theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Số chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào TK 413 và phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 112, 1122 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp khác: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh như một loại hàng hóa đặc biệt).

Đối với vàng bạc, đá quý, kinh khí quý phản ánh ở TK vốn bằng tiền chỉ dùng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc kim khí quý, Ở các doanh nghiệp có vàng bạc kim đá quý nhập quỹ tiền mặt việc nhập, xuất

được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

- Kết cấu tài khoản 007: ngoại tệ các loại

Bên nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên có : Ngoại tệ giảm trong

Dư nợ : Ngoại tệ hiện có

- Kết cấu tài khoản 413: Chênh lệch tỷ giá

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính và xử lý khoản chênh lệch thuần vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

- Bên nợ :

+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lỗ tỷ giá) cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Kết chuyển số chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (lãi tỷ giá) của hoạt động kinh doanh vào doanh thu tài chính.

- Bên có :

+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi tỷ giá) cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Kết chuyển số chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (lỗ tỷ giá) của hoạt động kinh doanh vào doanh thu tài chính.

- Số dư:

TK 413 có thể có số dư bên Nợ hoặc số dư bên Có, thể hiện số chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ(lãi

hoặc lỗ tỷ giá) ở thời điểm cuối năm tài chính chưa được xử lý.

- Tài khoản 413 có 2 TK cấp 2:

- TK 4131: Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính.
- TK 4132: Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư XDCB.

**Sơ đồ 1.1: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG QUÁT TIỀN MẶT BẰNG TIỀN VN**

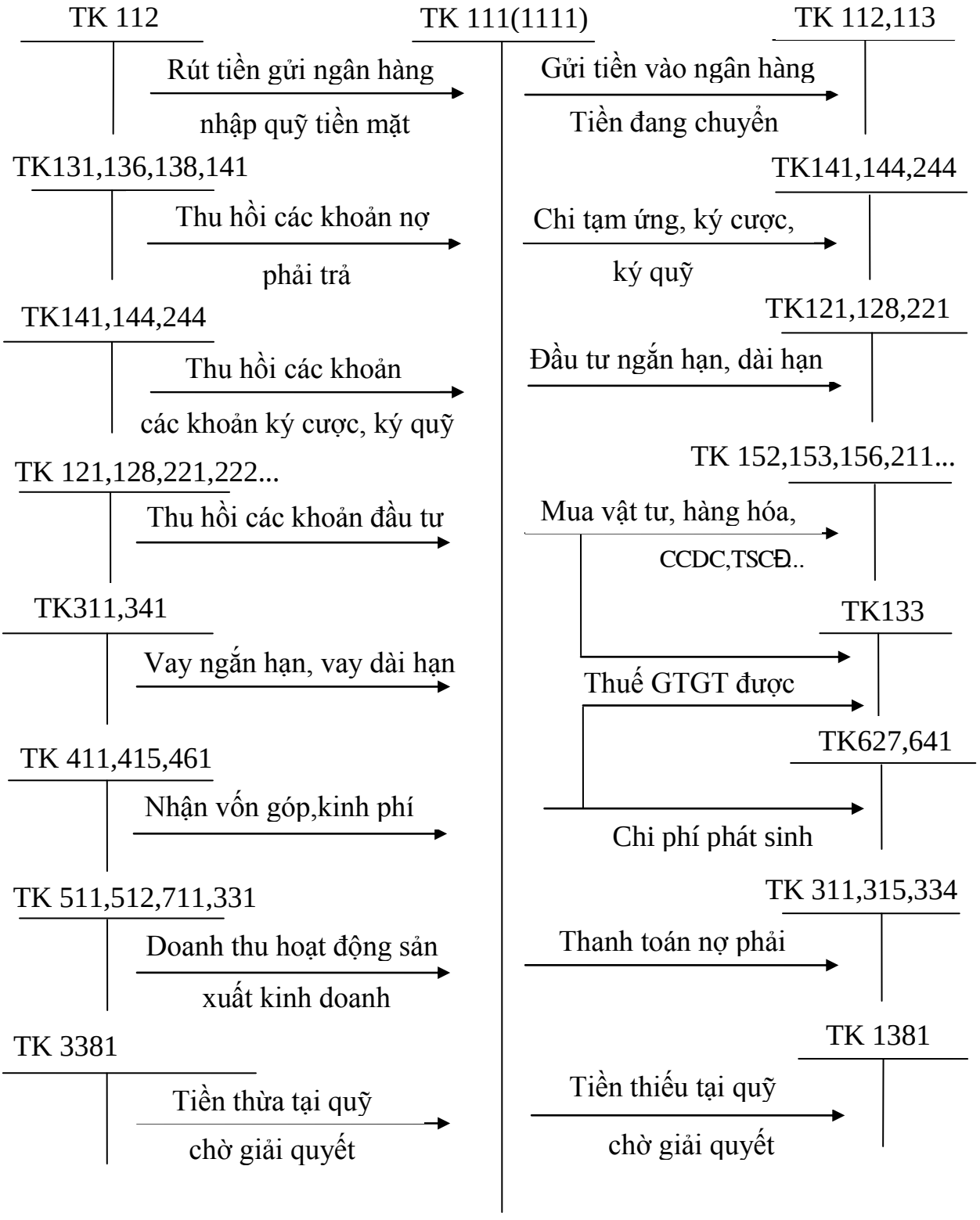

**Sơ đồ 1.2: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN MẶT BẰNG NGOẠI TỆ**

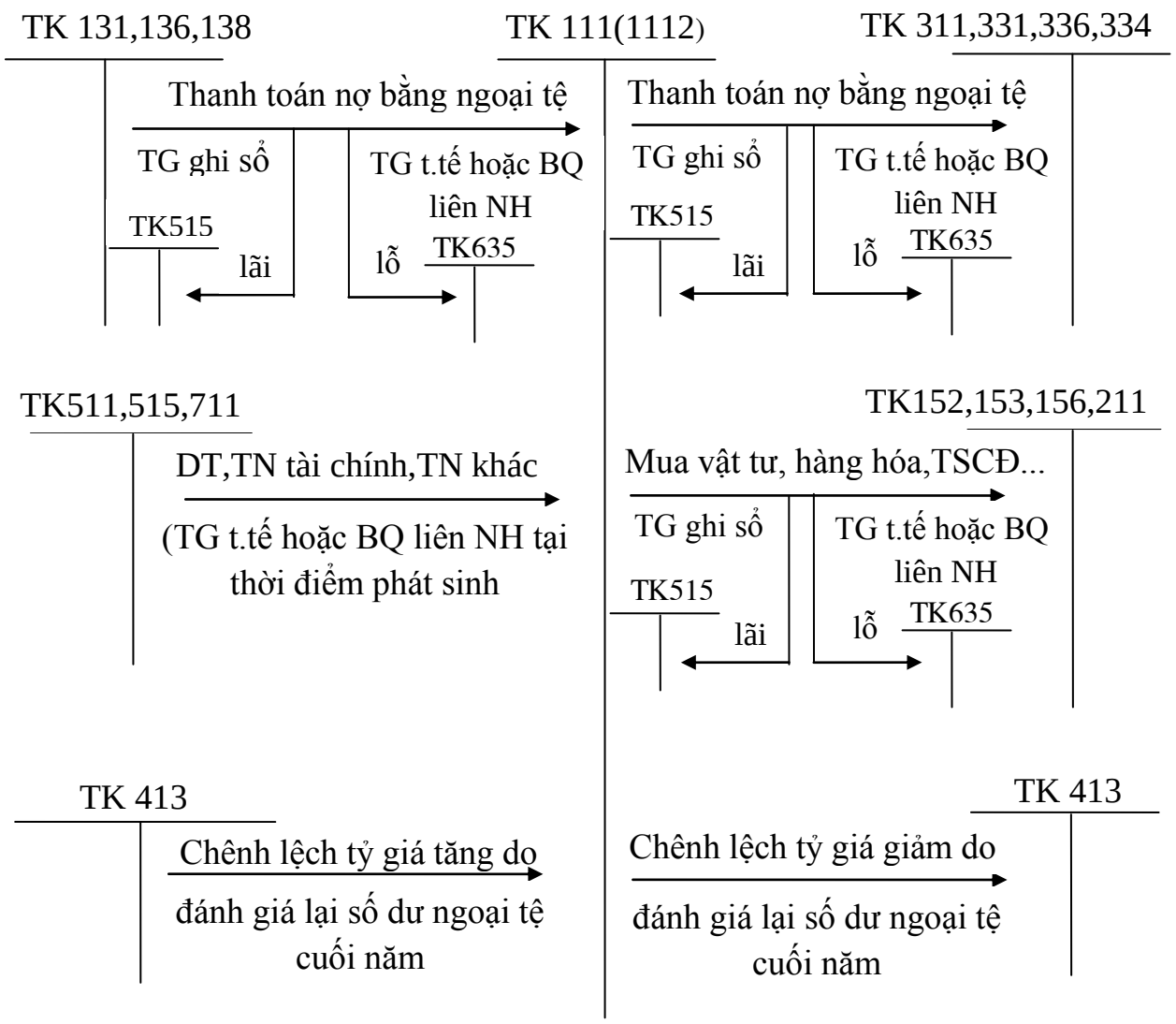


Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi vào TK 007 - ngoại tệ các loại.

TK 007

| | |
|---|---|
| Thu nợ bằng ngoại tệ, doanh thu,thu nhập tài chính, thu nhập khác bằng ngoại tệ | Thanh toán nợ bằng ngoại tệ, mua vật tư, hàng hóa,công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ |

### *1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:*

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luận thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (Theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng, các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

*1.2.3.1. Chứng từ dùng để hạch toán tiền gửi ngân hàng:*

- Các giấy báo có, báo nợ, bản sao kê của ngân hàng.
- Các chứng từ khác: séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

*1.2.3.2. Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán:*

Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112-TGNH. Kết cấu và nội dung tài khoản này như sau:

- Bên Nợ : Các tài khoản tiền gửi vào ngân hàng.
- Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng.
- Số dư bên Nợ : Số tiền hiện còn gửi tại ngân hàng

TK 112 có 3 tài khoản cấp 2

+ TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng.

+ TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

+ TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng.

*Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112- TGNH:*

Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý. (TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý, TK 3381 - Tài sản thừa chờ xử lý) Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản TGNH ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

*1.2.3.3. Trình tự hạch toán tiền gửi tại ngân hàng:*

Việc thực hiện quy đổi từ ngoại tệ tại ngân hàng sang đồng Việt Nam được thực hiện tương tự như đồng ngoại tệ tại quỹ cơ quan.

**Sơ đồ 1.3: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG QUÁT TGNH BẰNG TIỀN VN**

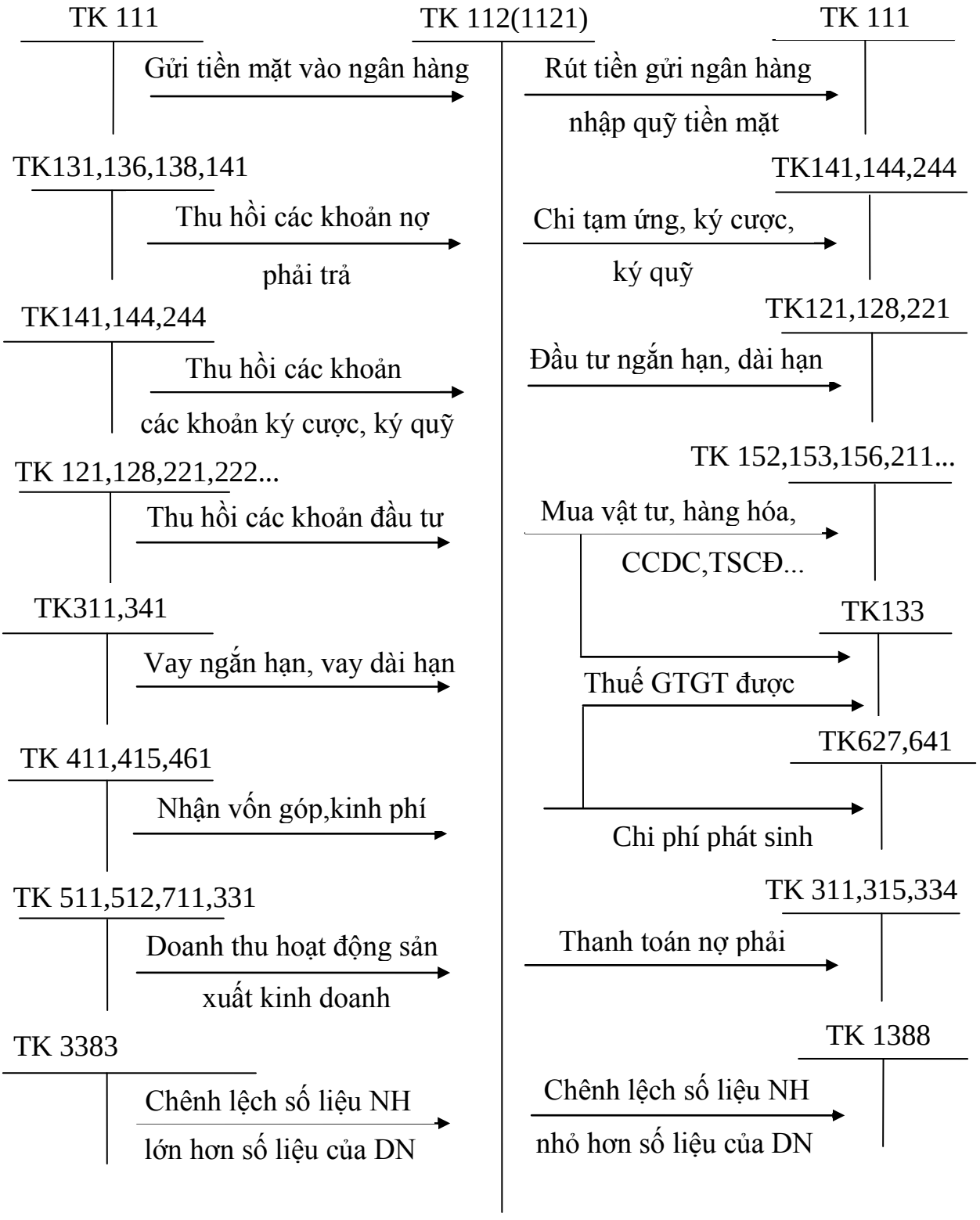

**Sơ đồ 1.4: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TGNH BẰNG NGOẠI TỆ**

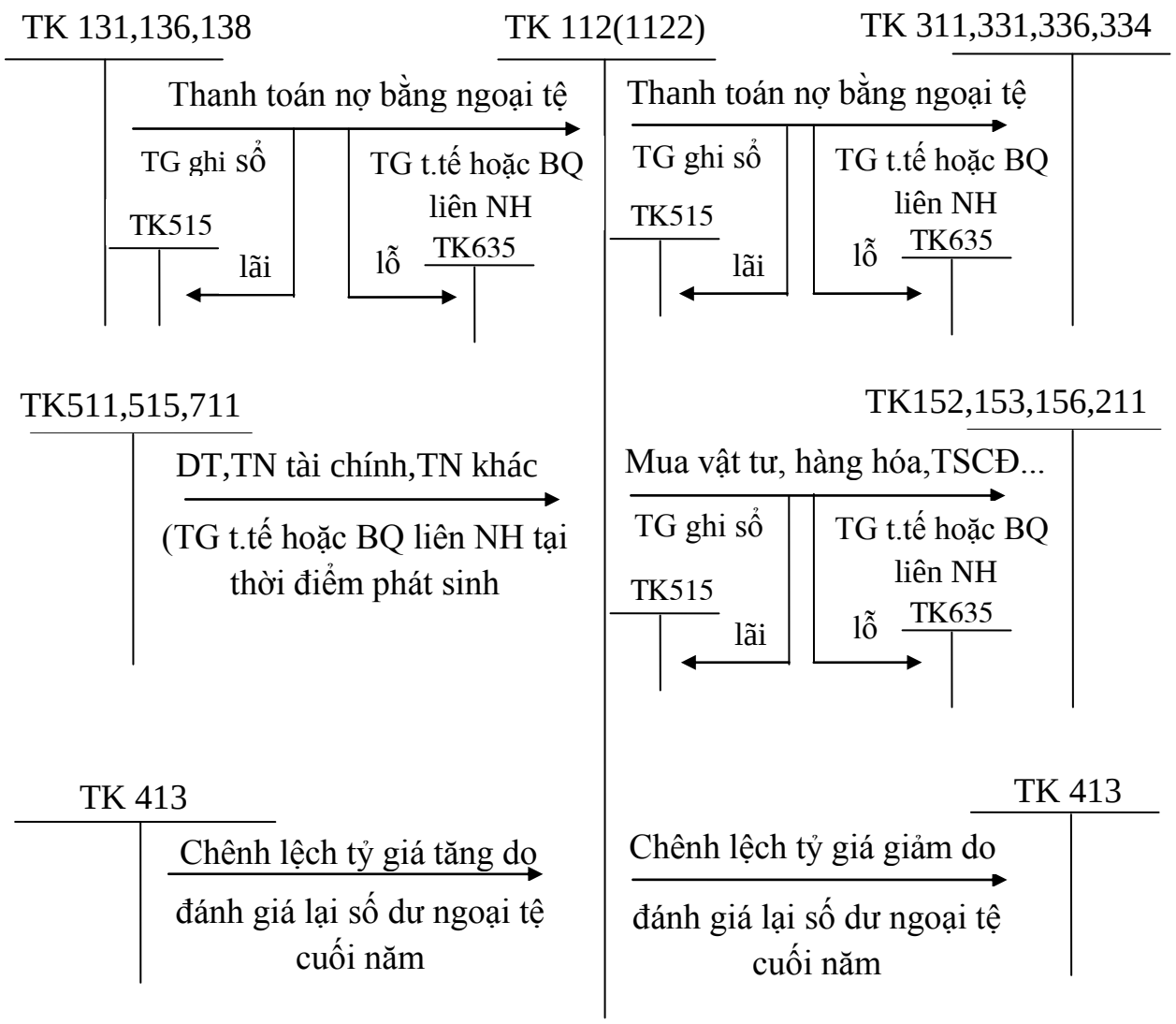


Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi vào TK 007 - ngoại tệ các loại.

TK 007

| | |
|---|---|
| Thu nợ bằng ngoại tệ, doanh thu,thu nhập tài chính, thu nhập khác bằng ngoại tệ | Thanh toán nợ bằng ngoại tệ, mua vật tư, hàng hóa,công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ |

### *1.2.4. Hạch toán tiền đang chuyển:*

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hoặc đã làm thủ tục chuyển từ TK tại ngân hàng để trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau :

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay vào kho bạc giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp, khách hàng và kho bạc Nhà nước.
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền...

*1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

*1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:*

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 - Tiền đang chuyển. Nội dung và kết cấu tài khoản này:

- Bên Nợ : Các khoản tiền nội tệ, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng hoặc đã chuyển vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng
- Bên Có : Số kết chuyển vào tài khoản TGNH hoặc các khoản Nợ phải trả.
- Số dư bên Nợ : Các khoản tiền đang chuyển.

Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp 2 :

+ TK 1131 - "Tiền Việt Nam": Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam.
+ TK 1132 - "Ngoại tệ": Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ.

**Sơ đồ 1.5: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN**

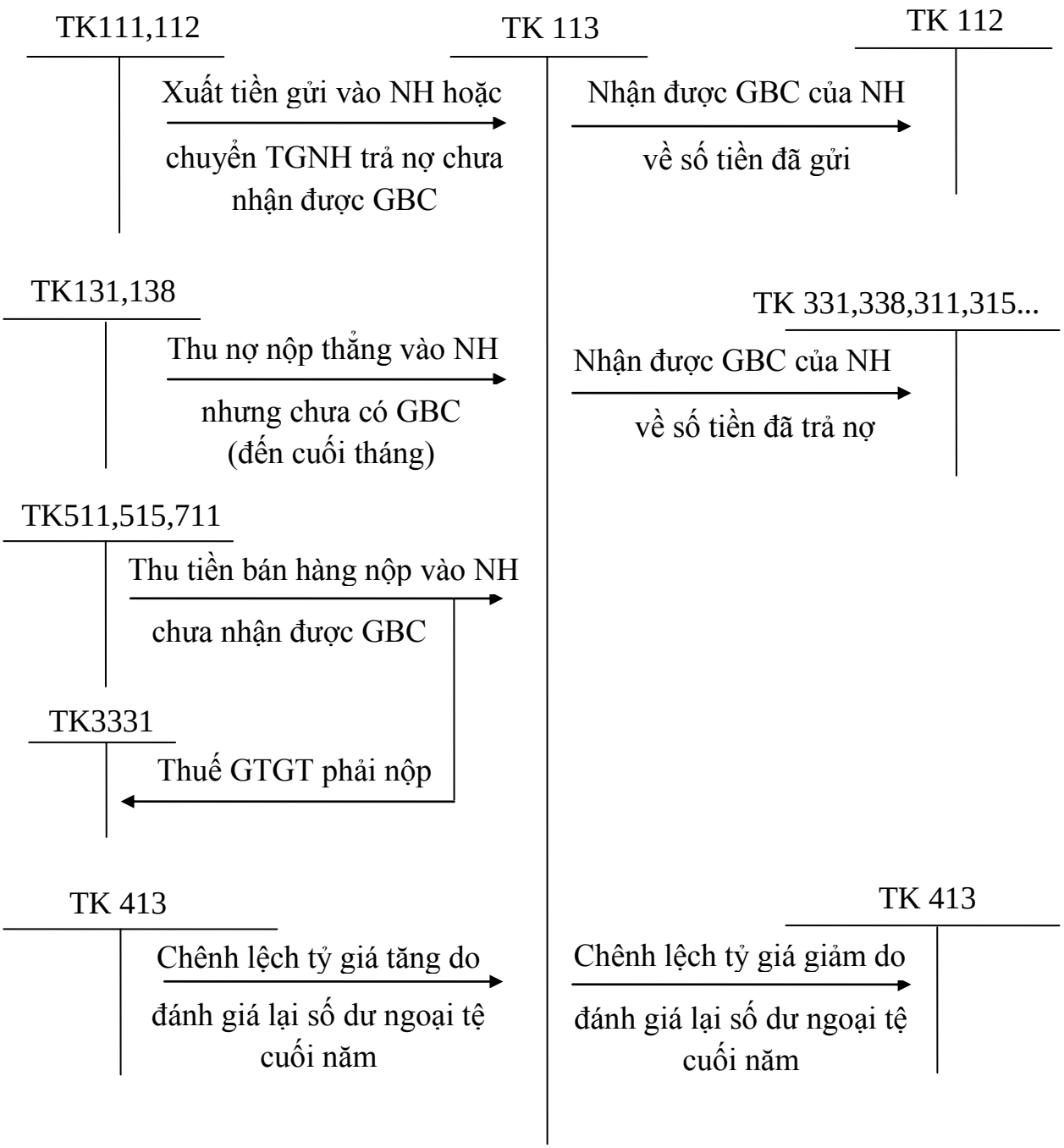

**1.3. Hình thức sổ kế toán:**

Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- Yêu cầu của công tác quản lý trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán

*Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức kế toán:*

+ Nhật ký chung
+ Nhật ký - sổ cái
+ Chứng từ ghi sổ
+ Nhật ký chứng từ
+ Trên máy tính

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp.

### *1.3.1. Hình thức nhật ký chung:*

Đặc điểm chủ yếu: các nghiệp vụ kinh tế được phát sinh vào chứng từ gốc để ghi sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phản ánh đúng mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán (quan hệ đối ứng giữa các tài khoản) rồi ghi vào sổ.

Hình thức kế toán nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký đặc biệt, sổ cái các tài khoản
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.6** : **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**:

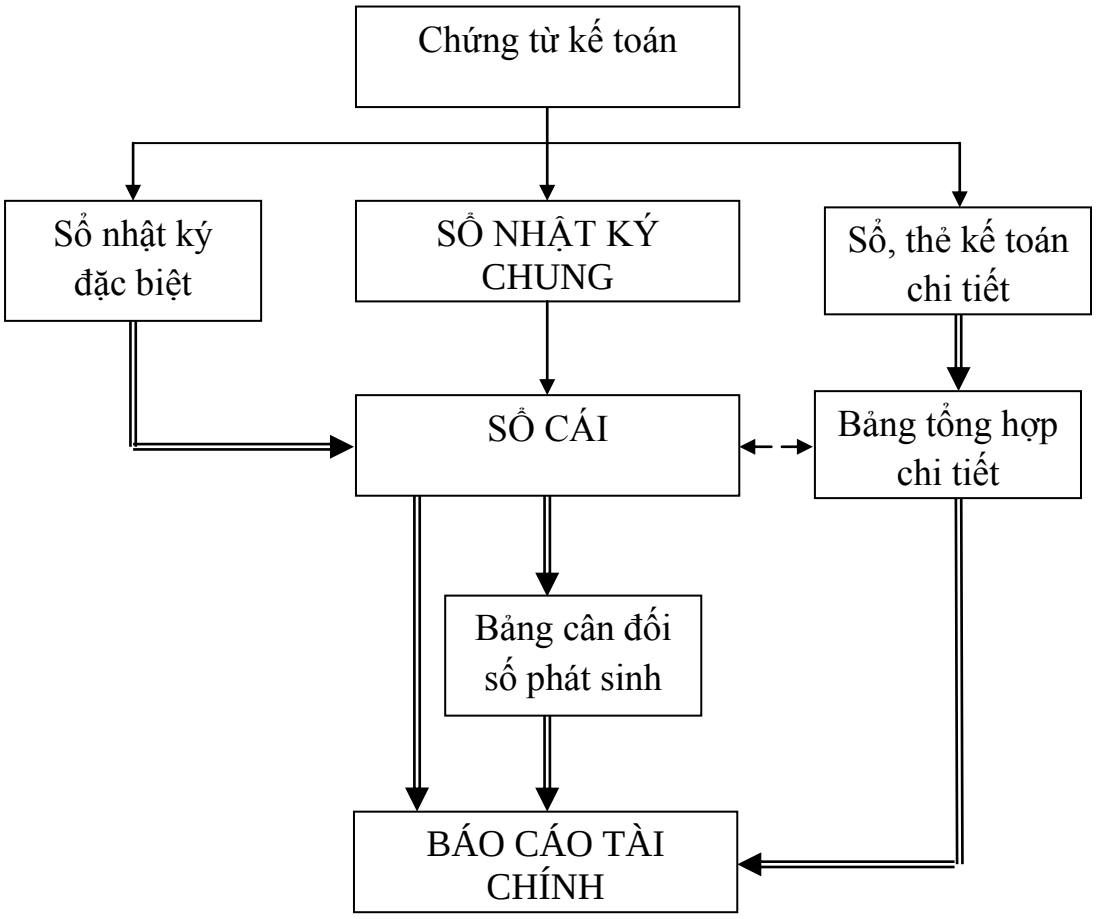


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### *1.3.2. Hình thức nhật ký - sổ cái:*

Đặc điểm chủ yếu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi sổ theo thứ tự thời gian kết hợp với việc phân loại theo hệ thống vào sổ nhật ký - sổ cái.

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sử dụng duy nhất một sổ là sổ nhật ký - sổ cái.

- Sổ kế toán chi tiết: bao gồm sổ chi tiết TSCĐ, vật liệu thành phẩm tùy thuộc vào đặc điểm yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng cần hạch toán chi tiết mà kết cấu mỗi sổ kế toán chi tiết ở mỗi doanh nghiệp đều có thể khác nhau.

**<u>Sơ đồ 1.7</u>: Sơ đồ Theo hình thức nhật ký - sổ cái:**

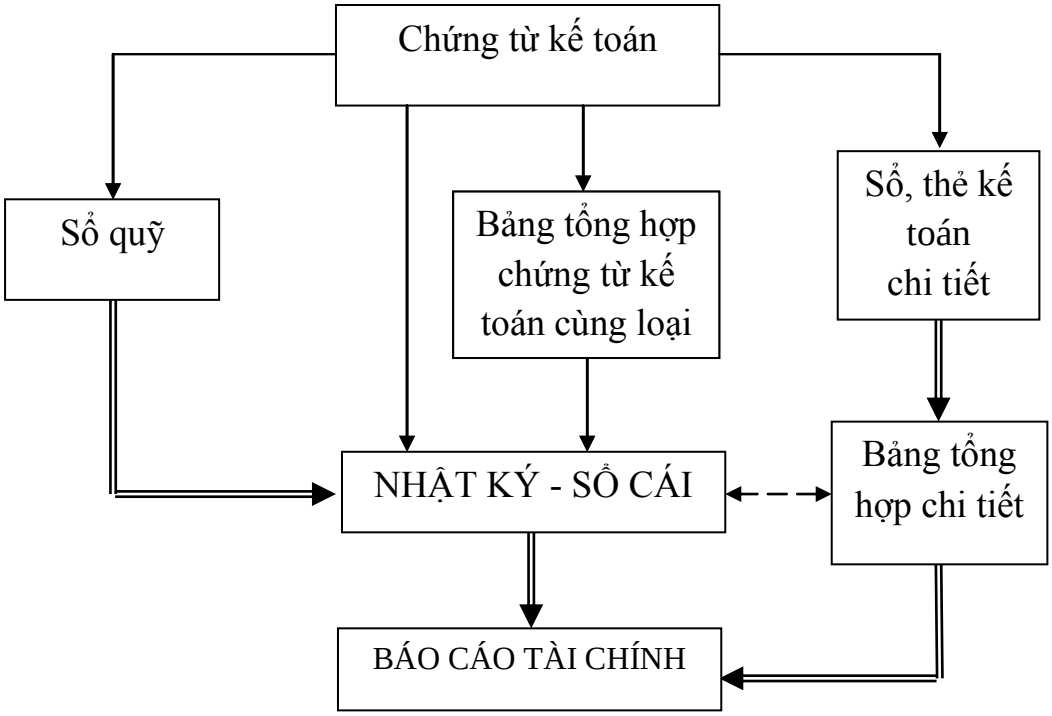


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### *1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:*

Đặc điểm chủ yếu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Trong hình thức này việc ghi sổ kế toán theo thứ tự thời gian tách rời với việc ghi sổ kế toán theo hệ thống trên 2 loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau, là sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**<u>Sơ đồ 1.8</u>: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:**

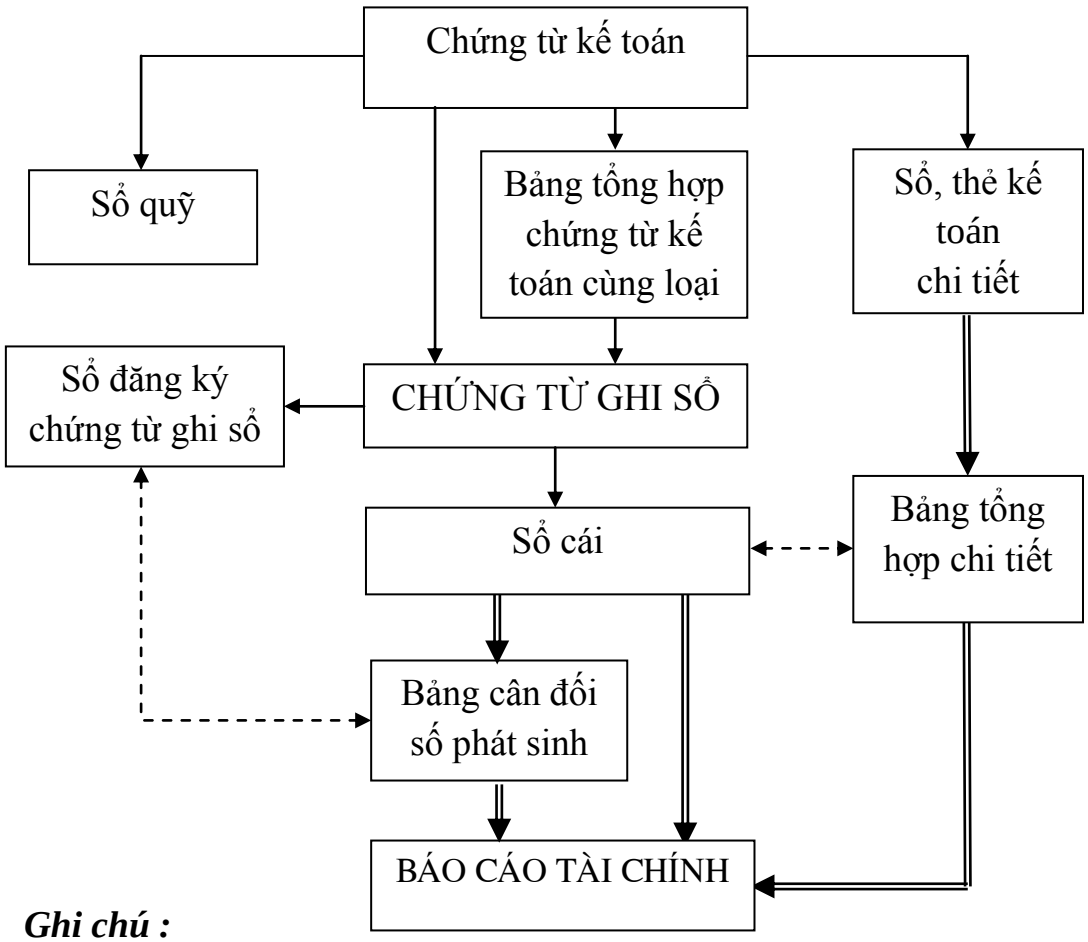


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### *1.3.4. Hình thức nhật ký - chứng từ:*

Đặc điểm chủ yếu: Kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp sổ liệu báo cáo cuối tháng.

Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký chứng từ, bảng kê, sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1. 9** : **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - chứng từ**:

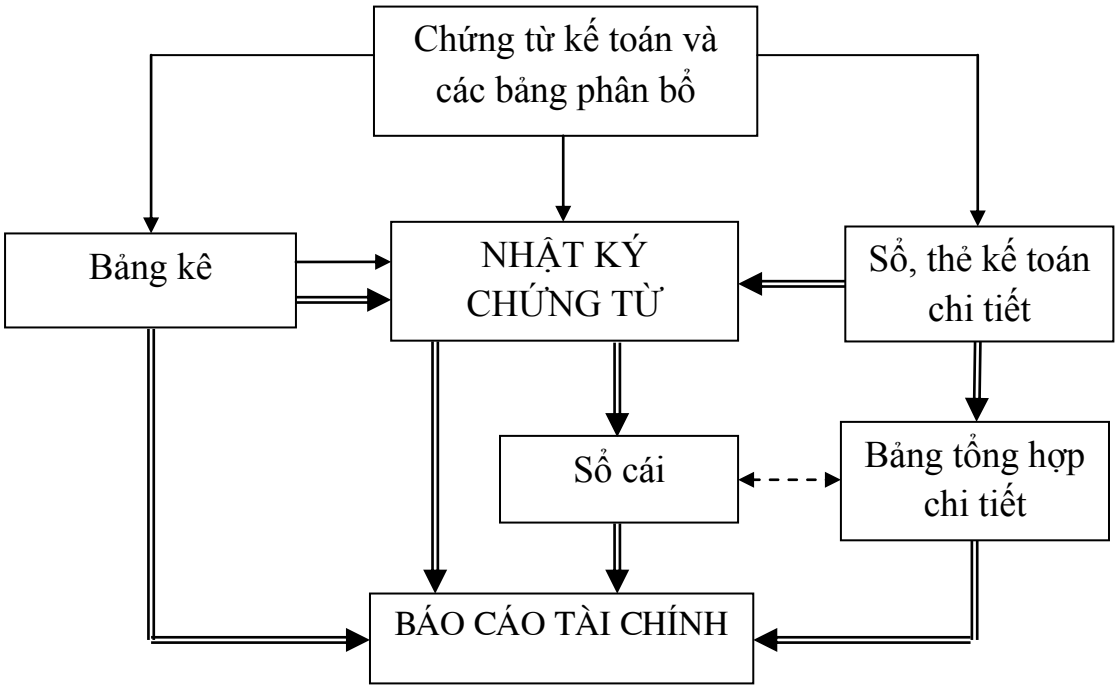


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### *1.3.5. Trên máy tính:*

Đặc trưng cơ bản : công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**<u>Sơ đồ 1.10</u> : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**:

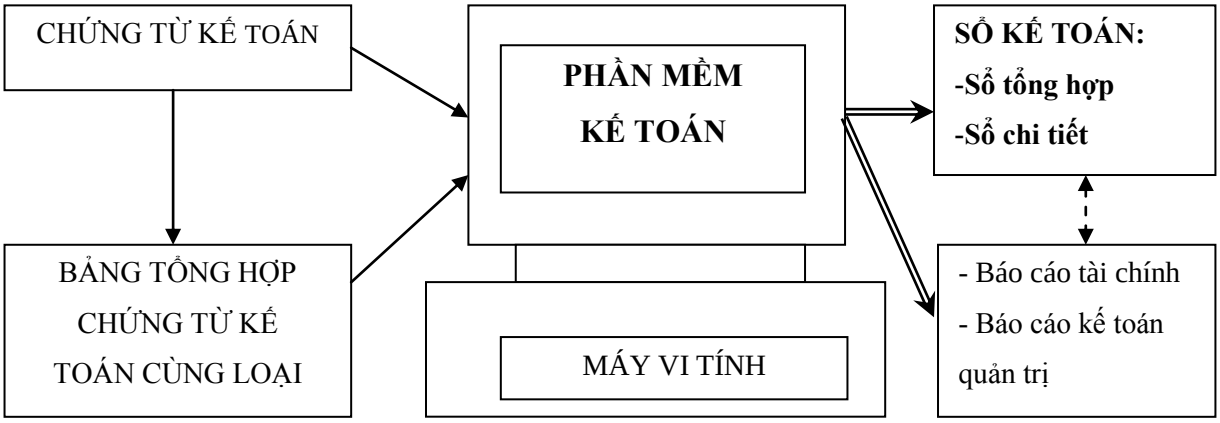


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

# CHƯƠNG II
# THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU

## 2.1- Khái quát chung về công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.

### *2.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.*

- *Tên đầy đủ: Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Triệu*
- *Tên viết tắt: NASICOSHIP*
- *Trụ sở chính: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.*
- *Điện thoại: 0313.745749*
- *Fax: 0313.745685*
- *Mã số thuế: 0200787320*
- *Email: vtb@nasicoship.com.vn*

Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu được thành lập theo quyết định số 4391/QĐ-CNT- LĐ ngày 28/12/2007 của hội đồng quản trị tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam.

Ra đời vào thời kỳ đất nước chuyển mình đổi mới, các công ty nhà nước và tư nhân ồ ạt hình thành hội nhập nền kinh tế thế giới. Giao thương hàng hóa phát triển kéo theo hoạt động vận tải, dịch vụ vận tải phát triển rầm rộ, đặc biệt là vận tải biển. Nắm bắt cơ hội và hòa mình vào xu thế đó, công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu đã ra đời và phát triển ngày càng lớn mạnh. Điều này thể hiện qua các nghành nghề kinh doanh của công ty, thời kỳ ban đầu mới chỉ là cung cấp dịch vụ nhỏ lẻ hàng hải: Thu gom phế liệu, phá rỡ tầu cũ, sửa chữa công nghiệp... cho đến nay hoạt động kinh doanh của công ty đã mở rộng ra nhiều loại hình kinh doanh. Không chỉ mở rộng trong lĩnh vực hằng hải: vận chuyển, dịch vụ forwarding, mua bán vật tư, đào tạo thuyền viên, dịch vụ văn phòng...mà công ty còn mở rộng sang cả lĩnh vực đầu tư xây dựng và dân dụng.

Qua bốn năm hình thành và phát triển so với các công ty vận tải biển khác

như: Vinaship, Vietfrach, Vosa... công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu còn rất non trẻ, song Công ty luôn khẳng định được thương hiệu của mình. Tốc độ tăng trưởng hằng năm của công ty đạt 30%/năm. Với tinh thần tự lực học hỏi không ngừng, áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý đội ngũ cán bộ trẻ tuổi, hiểu biết tinh thần học hỏi đoàn kết tập thể cao, tác phong làm việc công nghiệp, công ty luôn tạo ra những bước đột phá, nhảy vọt đạt nhiều thành tựu đáng kể.

***2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty.***

- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ bến bãi container, kho cảng;
- Dịch vụ văn phòng;
- Đầu tư xây dựng và dân dụng;
- Cung ứng dịch vụ tàu biển, các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế phục vụ yêu cầu hoạt động của phương tiện và hàng hóa, phục vụ yêu cầu sinh hoạt của thuyền viên;
- Kinh doanh và cung ứng máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện, vật tư, nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp tàu thủy;
- Đào tạo và xuất khẩu thuyền viên.

***2.1.3. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay:***

Công ty quản lý, khai thác đội tàu vận chuyển các tuyến trong nước gồm:

-Tàu Nasico Star: 4103 DWT

-Tàu Nasico Eagle: 6800 DWT

-Tàu Nasico Navigator: 410 TEU

-...vỏ container phục vụ khai thác tàu Nasico Navigator

-Một số dịch vụ khác: Dịch vụ vận tải khác, chạy thử, xếp dỡ hàng hóa, phá dỡ tàu cũ...

### *2.1.4. Một số kết quả đạt được của công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.*

Kết quả đạt được trong những năm 2009, 2010, 2011 như sau:

- Về lao động: Số lượng tham gia lao động tại công ty ngày càng tăng.Tính đến tháng 12/2011, tổng số lao động của công ty là 236 người, trong đó 85% là đào tạo trong các trường đại học và cao đẳng còn lại là tốt nghiệp trường nghề.

+ ***Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty:***

***Biểu 2.1***: Tài sản và nguồn vốn của công ty qua năm 2009, 2010, 2011

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2009** | **Năm 2010** | **Năm 2011** |
|---|---|---|---|
| Tài sản | | | |
| A. Tài sản ngắn hạn | 600.378.124.560 | 727.274.620.895 | 627.036.030.730 |
| B. Tài sản dài hạn | 910.730.567.118 | 999.273.433.750 | 1.160.604.326.121 |
| **Tổng tài sản** | **1.511.108.691.678** | **1.716.548.054.645** | **1.787.640.356.851** |
| Nguồn vốn | | | |
| A. Nợ phải trả | 1.398.360.242.645 | 1.601.262.525.193 | 1.672.295.658.639 |
| B. Nguồn vốn chủ sở hữu | 112.748.449.033 | 115.285.529.452 | 115.344.698.212 |
| **Tổng nguồn vốn** | **1.511.108.691.678** | **1.716.548.054.645** | **1.787.640.356.851** |

*Từ biểu 2.1 ta thấy*: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty có xu hướng tăng, chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty ngày càng hiệu quả.

- Tổng tài sản của năm 2011 tăng 71.092.302.206 đ so với năm 2010 tương ứng với 3,98%. Trong đó, tài sản ngắn hạn năm 2011 giảm 90.238.590.165 đ tương ứng với 14,39 %, tài sản dài hạn tăng lên 161.330.892.371 đ, tương ứng là 13.9%. Trong tổng tài sản thì tỷ trọng của tài sản ngắn hạn là 35,08 %, còn Tỷ trọng tài sản dài hạn chiếm 64,92% tổng tài sản của Công ty, nguyên nhân dẫn đến tăng tài sản dài hạn là do trong năm qua Công ty đã đầu tư vào mua nhiều tầu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, tài sản của năm 2011 tăng hơn so với năm 2010.

- Tổng nguồn vốn: thì nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn là 93,55% và khoản nợ này tăng lên 71.033.133.446 đ, tương ứng với 4,25%. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn là 6,45%, tăng so với năm 2010 là 59.168.800 đ, tương ứng 0,05%. Vốn chủ sở hữu tăng , nợ phải trả cũng tăng do trong năm qua doanh nghiệp đầu tư nhiều vào tầu, kinh phí cao, vì vậy không thể bù đắp được khoản nợ phải trả.

+ ***Sự biến động về doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của công ty:***

***Biểu số 2.2:*** Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty qua các năm:

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2009** | **Năm 2010** | **Năm 2011** |
|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu, thu nhập | 335.190.341.106 | 151.834.970.622 | 184.758.061.700 |
| Tổng Chi phí | 335.013.352.789 | 151.564.828.234 | 184.610.006.338 |
| Lãi (Lỗ) | 176.988.400 | 270.142.388 | 148.055.362 |
| Nộp ngân sách | 44.247.100 | 67.535.847 | 37.013.841 |

*Từ biểu 2.2 ta thấy:*

- Trong năm 2011, tổng doanh thu, thu nhập tăng so với năm 2010 là 42.809.301.757 đ tương ứng với 23.21 %. Nguyên nhân tăng doanh thu là do trong năm qua các doanh nghiệp vận tải thuê nhiều tầu và Công ty cũng tăng thêm một nghành mới đó là cho thuê thuyền viên.

- Tổng chi phí năm 2011 tăng so với năm 2010 là 33.045.178.104 đ, do các chi phí nhiên liệu, dịch vụ cầu cảng, đầu bến vẫn không ngừng tăng cao, trong khi đó đội tàu của công ty toàn là tàu mới, vốn đầu tư chủ yếu là vốn vay do vậy hàng tháng hạch toán chi phí lãi vay phải trả là rất lớn.

Do đó, việc hoạt động kinh doanh của công ty năm 2011 chưa đạt hiệu quả cao, giảm hơn nhiều so với năm 2010.

### *2.2.1. Bộ máy tổ chức của công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.*

➢ Tổng số nhân viên hiện nay là 236 người

Trong đó:

+ Cán bộ quản lý : 88 người

+ Thuyền viên: 148 người

- Đặc điểm phân cấp quản lý hoạt động kinh doanh.

+ *Giám đốc*: Chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các phương án thực hiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ *Phó giám đốc 1*: Phụ trách công tác - lao động khối gián tiếp và các chế độ tiền lương, chính sách của công ty, phụ trách công tác hành chính, quản trị văn phòng Công ty, tham mưu cho giám đốc và chỉ đạo thực hiện các công việc giao cho trong lĩnh vực được phân công.

+ *Phó giám đốc 2*: Phụ trách kỹ thuật vật tư cho đội tàu đang khai thác và đóng mới, chỉ đạo xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu, kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ. Tham mưu cho giám đốc triển khai phương án kỹ thuật và giải quyết các vướng mắc kỹ thuật phát sinh.

+ *Phó giám đốc 3*: Quản lý hoạt động khai thác đội tàu vận tải và các dịch vụ hàng hải, xây dựng kế hoạch khai thác. Tham mưu cho giám đốc về kế hoạch và chiến lược kinh doanh vận tải biển. Trực tiếp quản lý chỉ đạo các phòng Pháp chế thuyền viên, Kế hoạch khai thác, Container và phụ trách các hoạt động của chi nhánh TP. HCM.

+ *Đội xây dựng*: Tham mưu giám đốc các phương án thi công các công trình được giao và thực hiện thi công xây dựng nhằm bảo đạt hiệu quả cao. Tham mưu giám đốc ký kết hợp đồng xây dựng với các đối tác và thực hiện nội dung hợp đồng.

+ *Phòng tài chính - kế toán*: Thừa lệnh hoặc ủy quyền của giám đốc công ty làm việc với các cơ quan tài chính, ngân hàng các cấp về những việc có liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty. Có quyền từ chối không duyệt chi các khoản chi sai quy định và báo cáo Giám đốc Công ty. Tham mưu giám đốc công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán tại văn phòng phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh theo yêu cầu đổi mới công tác quản lý, về công tác quản lý tài chính và việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách với nhà nước.

+ *Phòng kế hoạch đầu tư*: Triển khai thủ tục, theo dõi tình hình thực hiện của các dự án đầu tư. Thừa lệnh giám đốc trực tiếp làm việc với các cơ quan quản lý trực tiếp, các đối tác và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai các thủ tục đầu tư. Tham mưu giám đốc về công tác quản lý đầu tư và thực hiện đầu tư.

+ *Văn phòng Công ty*: Kiểm tra, kiểm soát CB-CNV, khách và vật tư hàng hóa ra vào công ty, kết hợp với các phòng ban chức năng xử phạt các đơn vị, cá nhân vi phạm nội quy, quy chế công ty. Tham mưu cho giám đốc về công tác quản trị hành chính, quản trị mạng, thư lưu trữ quản lý tài sản trang thiết bị văn phòng của Công ty.

+ *Phòng tổ chức tiền lương*: Quản lý cán bộ công nhân viên, đề nghị khen thưởng, kỷ luật theo quy định. Xây dựng, ban hành nội quy, quy chế và kế hoạch tổ chức thực hiện công tác đào tạo. Tham mưu giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, quản lý lao động và các chế độ tiền lương, tiền thưởng, công tác tuyển dụng, tiếp nhận lao động.

+ *Phòng kỹ thuật - vật tư*: Quản lý khai thác đội tàu, lập các dự án kỹ thuật phục vụ cho các dự án đóng mới. Quản lý và kiểm soát thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm đóng mới bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, phục vụ khai thác vận tải đạt hiệu quả cao. Xây dựng và thực hiện kế hoạch mua sắm và cấp phát vật tư, trang thiết bị. Tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực mà đơn vị quản lý.

+ *Phòng pháp chế - thuyền viên*: Tham mưu giám đốc, phó giám đốc về các vấn đề như hệ thống giấy tờ quản lý đội tàu công ty đang quản lý, hệ thống quản lý an toàn theo bộ luật ISM CODE, thực thi tình huống khẩn cấp của đội tàu, các vấn đề của người phụ trách, phụ trách các vấn đề về thuyền viên.

+ *Phòng kế hoạch - khai thác*: Nghiên cứu, tìm kiếm và mở rộng thị trường, thiết lập quan hệ với đối tác nhằm phát triển quy mô kinh doanh vận tải biển của công ty. Tổ chức khai thác, quản lý hoạt động kinh doanh của các tàu hàng khô. Tham mưu giám đốc về kế hoạch phát triển mở rộng kinh doanh vận

tải biển và các dịch vụ liên quan và đề xuất các phương án khai thác đảm bảo kinh doan hiệu quả cao. Phối kết hợp với các phòng ban chức năng để thực hiện phương án khai thác tối ưu nhất.

+ *Phòng Container*: Tổ chức khai thác, quản lý hoạt động kinh doanh tàu container, kinh doanh bến bãi container và các dịch vụ liên quan. Nghiên cứu, tìm kiếm và tham mưu giám đốc các biện pháp nhằm mở rộng thị trường, hợp tác với các đối tác để đảm bảo kinh doanh hiệu quả.

+ *Chi nhánh tại TP. HCM*: Thực hiện một phần chức năng của công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu, góp phần tăng năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường. Nghiên cứu, tìm kiếm khách hàng và tham mưu giám đốc các biện pháp nhằm thúc đẩy, phát triển mở rộng thị trường đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn.

**Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu:**

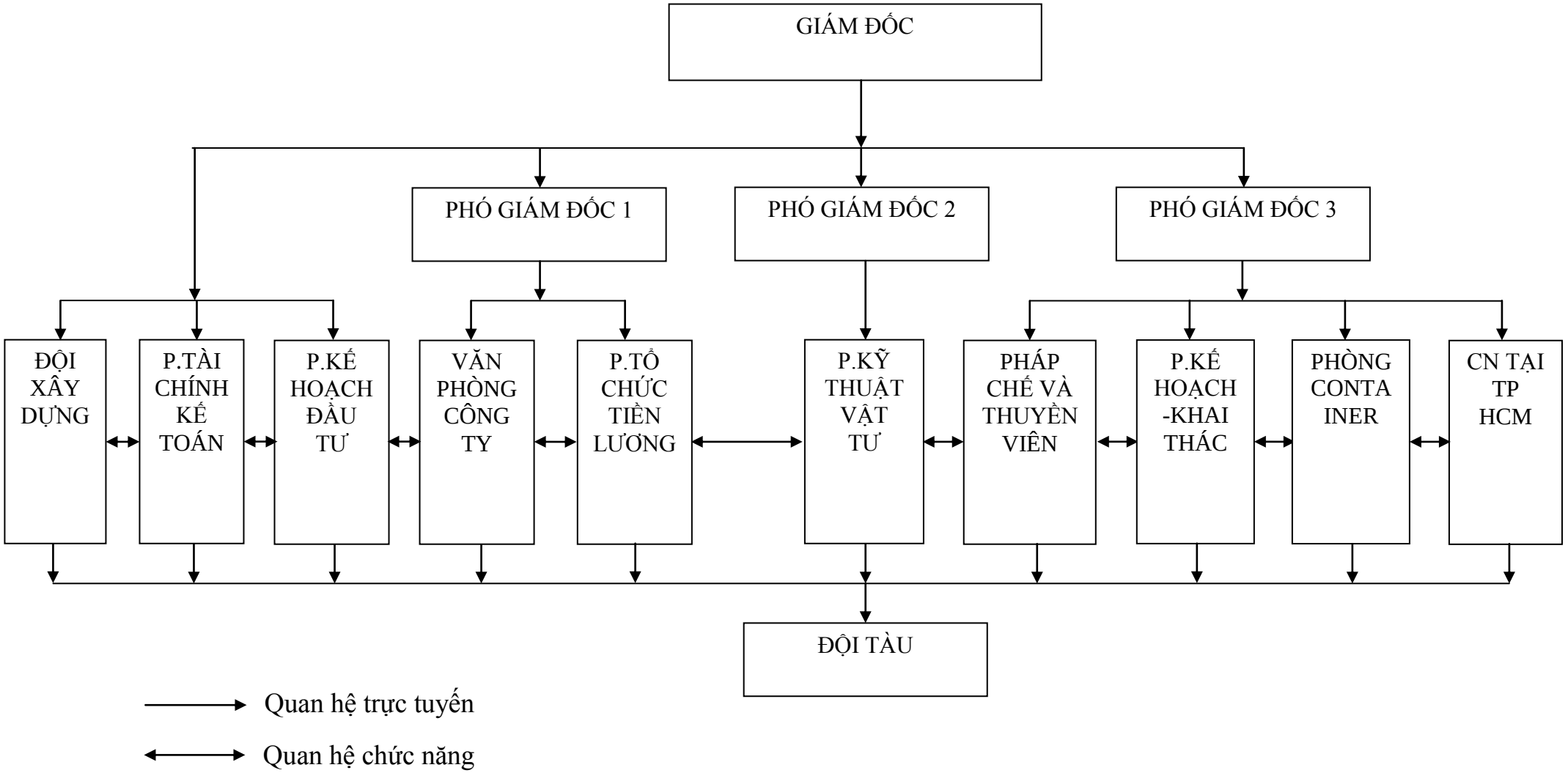

### *2.2.2 . Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại đơn vị*

*2.2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán*

Phòng Tài chính - kế toán ở Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu gồm 9 người chịu trách nhiệm theo dõi, hạch toán độc lập. Do vậy, nhiệm vụ của mỗi kế toán được phân công phải chịu trách nhiệm độc lập. Phòng TC-KT gồm có Kế toán trưởng, Phó phòng kế toán và kế toán viên.

**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán:**

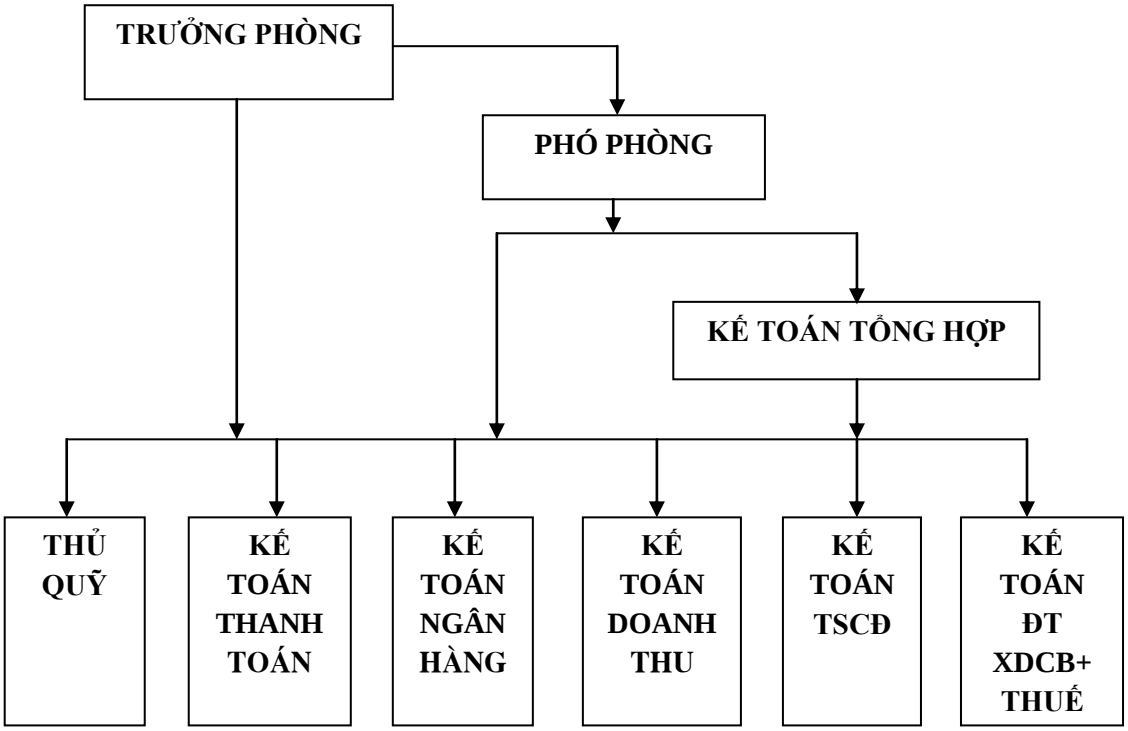


*2.2.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị*

a. Tổ chức bộ máy kế toán:

- *Kế toán trưởng:* Phụ trách chung, quản lý về nhân sự và công việc của phòng, huy động các nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và các dự án, tham mưu cho giám đốc trong việc ra các quyết định liên quan đến tài chính, kiểm tra, rà soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo quyết toán.
- *Phó phòng kế toán:* Kiểm tra trực tiếp và ký duyệt các chứng từ thu chi, sổ sách, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán.

- *Kế toán tổng hợp kiêm công nợ phải trả:*

+Làm kế toán tổng hợp, lập báo cáo quyết toán và tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết đối chiếu với sổ tổng hợp, báo cáo tài chính.

+Theo dõi, hạch toán các khoản công nợ phải trả.

- *Kế toán tài sản cố định:* Theo dõi, quản lý TSCĐ và mở sổ TSCĐ, hạch toán TK 211-"tài sản cố định" và TK 214-"hao mòn TSCĐ".

- *Kế toán ngân hàng:* Quản lý các ngân hàng, làm chứng từ vay, nhận nợ, giao dịch với ngân hàng và hạch toán.

- *Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản kiêm kế toán thuế:*

+Theo dõi TK 214-"xây dựng cơ bản dở dang" chi tiết cho các dự án đầu tư, chi tiết cho từng khoản mục chi phí từng dự án.

+Kê khai thuế GTGT, thuế TNDN, TNCN, thuế nhà thầu.

- *Kế toán thanh toán:* Lập phiếu thu, phiếu chi, theo dõi chi tiết TK 111-"tiền mặt",TK 141-"tạm ứng" của cán bộ nhân viên.

- *Kế toán doanh thu và các khoản phải thu:* Theo dõi, hạch toán các loại doanh thu, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác...

- *Thủ quỹ:* Quản lý và theo dõi quỹ tiền mặt của Công ty.

b. Chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị.

- *Niên độ kế toán:* Bắt đầu từ ngày 01/01/N đến 31/12/N
- *Đơn vị tiền tệ* được sử dụng trong ghi chép kế toán là: đồng Việt Nam.
- *Phương pháp nộp thuế GTGT:* theo phương pháp khấu trừ
- *Phương pháp kế toán TSCĐ:*

+ *Nguyên tắc xác định nguyên giá tài sản:* Hạch toán theo giá mua

+ *Phương pháp khấu hao áp dụng:* Phương pháp đường thẳng

+ *Tỷ lệ khấu hao:* Theo QĐ 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003

- *Phương pháp kế toán hàng tồn kho:*

+ *Nguyên tắc ghi nhận* theo giá gốc

+ *Phương pháp xác định giá trị*: phương pháp Bình quân gia quyền cả kỳ.

+ *Phương pháp hạch toán* Kê khai thường xuyên.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty

*Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán*: Theo hình thức nhật ký chung.

**Sơ đồ 2.3** : **Sơ đồ Theo hình thức nhật ký chung**:

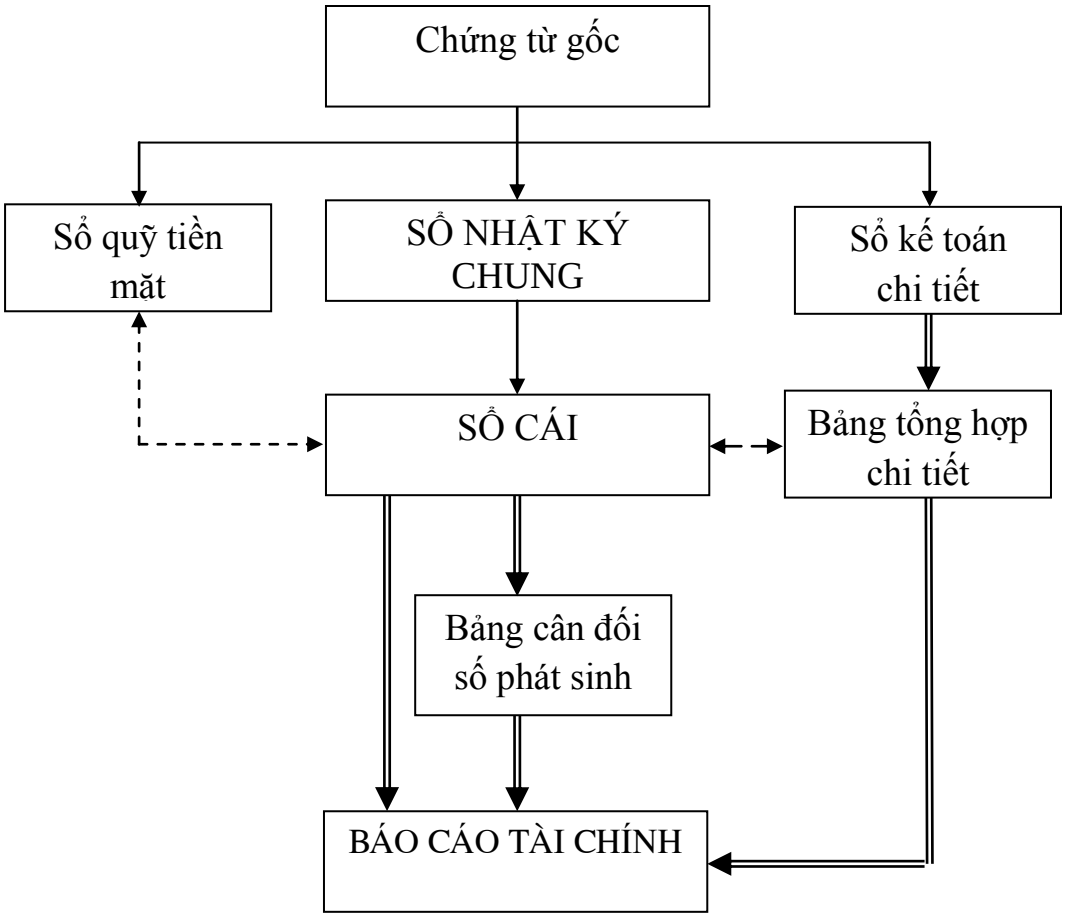


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hình thức nhật ký chung bao gồm các sổ chủ yếu :

- Nhật ký chung
- Sổ cái.
- Sổ chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp, đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Ưu nhược điểm:

Hình thức sổ nhật ký chung là hình thức kế toán đơn giản, được vận dụng cho các loại hình doanh nghiệp và thuận tiện cho việc cơ giới hóa tính toán như ứng dụng máy tính trong xử lý thông tin kế toán trên sổ.

## 2.2. Thực trạng hạch toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.

### *2.2.1. Kế toán tiền mặt.*

*2.2.1.1. Đặc điểm về tiền mặt của Công ty:*

Tiền mặt được lưu trữ và quản lý tại quỹ của Công ty. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt nhiều và giá trị không lớn, chủ yếu là các nghiệp vụ tạm ứng, thanh toán lương và các khoản phụ cấp lương, BHXH cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra đối với những khoản thanh toán cho nhà cung cấp và cho khách hàng với số tiền không lớn hoặc những hợp đồng kinh doanh nhỏ lẻ, công ty cũng sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

Các nghiệp vụ tiền mặt luôn được ghi chép phản ánh hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh những khoản thu khoản chi xuất nhập quỹ và có thể tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Tiền mặt tại quỹ của công ty luôn dao động trong một khoảng giá trị nhất định để đảm bảo được mức tồn quỹ tối ưu nhất. Nhờ vậy Công ty luôn chủ động trong quá trình thanh toán và tránh ứ đọng nguồn vốn giúp cho vòng lưu chuyển tiền nhanh hơn.

*2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:*

a. Tài khoản sử dụng

- TK 111 Tài khoản tiền mặt.

Chi tiết: TK 1111 - Tiền Việt Nam, để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ.

b. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

- Phiếu chi
- Phiếu thu
- Biên lai thu tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán...
- Biên bản kiểm kê quỹ
- ...

*2.2.1.3. Phương pháp hạch toán tiền mặt*

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại Công ty:**

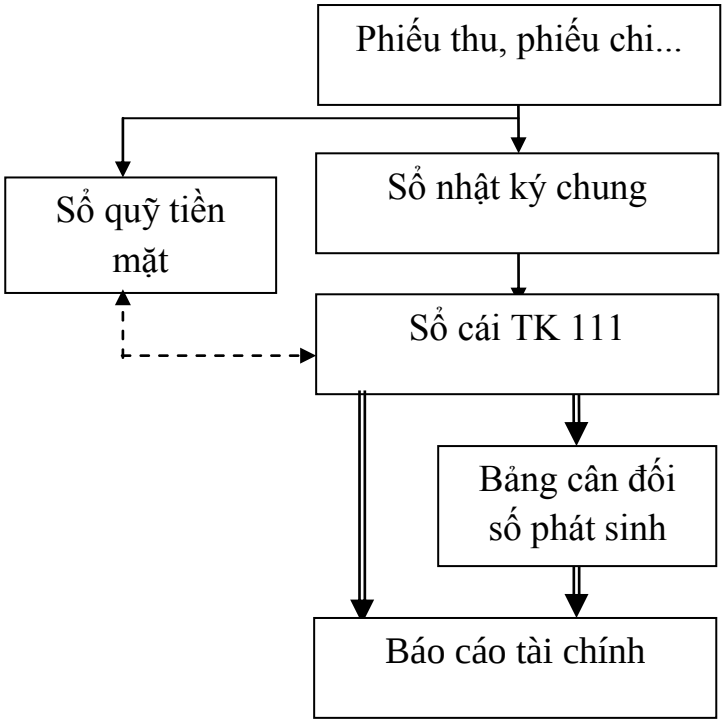


Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi cuối tháng

: Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày tại công ty luôn phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền xen kẽ nhau. Dòng lưu chuyển tiền xảy ra liên tục không ngừng và công ty luôn luôn dự trữ một số tiền nhất định để đáp ứng nhu cầu chi cần thiết. Việc hạch toán phải đảm bảo chứng từ hóa đơn được hạch toán ngay trong ngày. Kế toán vốn bằng tiền theo dõi tình hình thu, chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt, ngoại tệ... và các khoản tạm ứng, thanh toán tạm ứng của công ty nhằm cung cấp những thông tin cần thiết cho kế toán và quản lý của công ty. Để phản ánh và giám sát chặt chẽ vốn bằng tiền, kế toán phải thực hiện nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác và đầy đủ kịp thời số hiện có, tình hình biến động và

sử dụng tiền mặt, kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành thu, chi và quản lý tiền mặt.

Kế toán tiền mặt tại công ty bao gồm: Kế toán thu và kế toán chi.

- *Kế toán thu:*

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm:

- Thu từ việc kinh doanh dịch vụ
- Thu tạm ứng
- Thu từ đầu tư tài chính
- Các khoản thu khác

**Ví dụ1.1**: Ngày 15/05/2011: Công ty TNHH Phúc An Thịnh thanh toán tiền cước vận chuyển tàu Navigator HP - HCM 02x20' còn nợ theo hóa đơn GTGT ngày 03/05/2011 số tiền là: 13.640.000 VNĐ.

- Kế toán viết phiếu thu số 065 (biểu số 2.3)

**Biểu 2.3: Phiếu thu tiền mặt số 065**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới, Hùng Vương, HB, HP

Mã số thuế: 0200787320

**Mẫu số 01-TT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

**PHIẾU THU**

Số: 065

*Ngày 15/05/2011*

*TÀI KHOẢN GHI CÓ*: 131 13.640.000

Người nộp tiền :Công ty TNHH Phúc An Thịnh

Địa chỉ :Số 1/89 Lê Lợi - Ngô Quyền - Hải Phòng

Về khoản :Cước V/C tàu Navigator HP - HCM 02x20'.

Số tiền : **13.640.000**

Bằng chữ :***Mười ba triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn***.

Kèm theo: chứng từ gốc:

*Ngày 15 tháng 05 năm 2011*

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập phiếu | Thủ quỹ |
|---|---|---|---|---|
| *(ký, họ tên, đóng dấu)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

*Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)*: Mười ba triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

**Ví dụ 1.2**: Ngày 15/05/2011: Chị Hoàng Thị Ngọc nhân viên phòng TC - KT tới ngân hàng CP Nhà Hà Nội rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, số tiền là: 350.000.000 VNĐ.

**Biểu số 2.4: Phiếu thu tiền mặt số 066**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**
Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới, Hùng Vương, HB, HP
Mã số thuế: 0200787320

**Mẫu số 01-TT**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

**PHIẾU THU**

Số: 066

*Ngày 15/05/2011*

*TÀI KHOẢN GHI CÓ*: 112 350.000.000

Người nộp tiền :Hoàng Thị Ngọc
Địa chỉ :Phòng TC - KT
Về khoản :Rút tiền mặt về nhập quỹ.
Số tiền :**350.000.000**
Bằng chữ :***Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn***.
Kèm theo: chứng từ gốc:

*Ngày 15 tháng 05 năm 2011*

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập phiếu | Thủ quỹ |
|---|---|---|---|---|
| *(ký, họ tên, đóng dấu)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

*Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)*: Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

- *Kế toán chi:*

Khoản chi tại công ty TNHH MTV VTB gồm các khoản sau: lương, công tác phí, chi mua vật tư, sửa chữa, tiếp khách...

Phiếu chi cũng do kế toán quỹ lập thành 2 liên (đặt giấy than viết một lần). Sau khi có đầy đủ chữ ký của người lập phiếu, kế toán trưởng và giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi chi tiền xong thủ quỹ ký vào phiếu chi và chuyển một liên ( liên 1) để ở kế toán, một liên ( liên2) giữ lại để ghi sổ quỹ, sau đó chuyển kèm chứng từ gốc cho kế toán để ghi sổ.

Đối với việc xuất tiền cho những người nhận tạm ứng, kế toán chỉ được lập phiếu chi và chi tiền khi người tạm ứng " giấy đề nghị tạm ứng" đã được kế toán trưởng đồng ý và giám đốc duyệt. Giấy thanh toán tạm ứng kèm theo chứng từ gốc dùng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Phần chênh lệch tiền tạm ứng chi không hết phải làm thủ tục thu hồi nộp quỹ hoặc trừ vào lương. Chứng từ gốc, giấy thanh toán tạm ứng phải đính kèm phiếu thu hoặc phiếu chi có liên.

*** Ví dụ 2.1: Minh họa về kế toán chi:**

Khi nhận được giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng phí ĐL tàu Navigator chuyến tàu V0911S ngày 15/ 5/2011,với số tiền là 14.640.000VNĐ.

- Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng số 019 (biểu số 2.5), được sự đồng ý tạm ứng của Tổng giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiến hành lập phiếu chi số 072 (biểu số 2.6) và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

**<u>Biểu số 2.5:</u> Giấy đề nghị tạm ứng**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

**Mẫu số 03-TT**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 15 tháng 05 năm 2011*

Số: 019

Kính gửi :Ban giám đốc công ty

Tên tôi là :Lê Xuân Thành

Địa chỉ :Phòng Container

Đề nghị cho tạm ứng số tiền là **14.640.000**

Viết bằng chữ: ***Mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.***

Lý do tạm ứng :Tạm ứng phí ĐL tàu Navigator chuyến tàu V0911S .

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Phụ trách bộ phận | Người đề nghị tạm ứng |
|---|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

**Biểu số 2.6: Phiếu chi tiền mặt số 072**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới, Hùng Vương, HB, HP

Mã số thuế: 0200787320

**Mẫu số 02-TT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 072

*Ngày 15/05/2011*

*TÀI KHOẢN GHI NỢ*: 141 14.640.000

Người nhận tiền: Lê Xuân Thành

Địa chỉ :Phòng Container

Về khoản :Tạm ứng phí ĐL tàu Navigator

Số tiền :**14.640.000**

Bằng chữ :***Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn***.

Kèm theo: chứng từ gốc:

*Ngày 15 tháng 05 năm 2011*

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Thủ quỹ | Người lập phiếu | Người nhận tiền |
|---|---|---|---|---|
| *(ký, họ tên, đóng dấu)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

*Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)*: Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

**Ví dụ 2.2**: Ngày 16/05/2011, Ông Phạm Văn Bình - Phòng hành chính đề nghị thanh toán tiền mua mực theo HĐ GTGT số 002643, tổng số tiền thanh toán là 3.351.600 VNĐ, thuế suất 5%.

- Căn cứ vào HĐ GTGT (liên 2) (biểu số 2.7) và giấy đề nghị thanh toán (biểu số 2.8) kế toán lập phiếu chi số 073 (biểu số 2.9).

**Biểu số 2.7: HĐ GTGT số 0002643**

**HÓA ĐƠN GTGT**

( Liên 2 giao cho khách hàng)

*Ngày 16 tháng 05 năm 2011*

**Mẫu số: 01 GTKT – 3LLL**
**02AA/11P**
**0002643**

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH DV TM Hồng Hạnh

Địa chỉ: Số 240 - Đà Nẵng - Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 031.3525759 MST:

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Số tài khoản: 32110000375752

Hình thức thanh toán:TM MST: 0 2 | 0 0 7 8 7 3 2 | 0

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Tiền mực | | | | 3.192.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 3.192.000 |
| Thuế suất thuế GTGT: 5% | | | Tiền thuế GTGT: | | 159.600 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | **3.351.600** |
| Số tiền viết bằng chữ: ***Ba triệu, ba trăm năm mốt nghìn, sáu trăm nghìn đồng chẵn.*** | | | | | |
| Người mua hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | Người bán hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | Thủ trưởng đơn vị *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)* | | | | | |

**Biểu số 2.8: Giấy đề nghị thanh toán**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

**Mẫu số 05-TT**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

*Ngày 16 tháng 05 năm 2011*

Kính gửi :Giám đốc công ty

Tên tôi là :Phạm Văn Bình

Địa chỉ :Phòng hành chính

Lý do thanh toán :Thanh toán tiền mực

Số tiền: **:3.351.600 VNĐ**

(Viết bằng chữ: ***Ba triệu, ba trăm năm mốt nghìn, sáu trăm đồng chẵn***.)

Các chứng từ kèm theo:

1: Hóa đơn GTGT số 002643

2: .....

3: .....

Tôi xin chân thành cảm ơn!

| **Người đề nghị thanh toán** | **Kế toán trưởng** | **Người duyệt** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

**Biểu số 2.9: Phiếu chi tiền mặt số 073**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới, Hùng Vương, HB, HP

Mã số thuế: 0200787320

**Mẫu số 02-TT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 073

*Ngày 16/05/2011*

| | | |
|---|---|---|
| *TÀI KHOẢN GHI NỢ*: | 642 | 3.192.000 |
| | 133 | 159.600 |

Người nhận tiền: Phạm Văn Bình

Địa chỉ :Phòng hành chính

Về khoản :Thanh toán tiền mực

Số tiền :**3.351.600**

Bằng chữ : ***Ba triệu, ba trăm năm mốt nghìn, sáu trăm đồng chẵn.***

Kèm theo: chứng từ gốc:

*Ngày 15 tháng 05 năm 2011*

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Thủ quỹ | Người lập phiếu | Người nhận tiền |
|---|---|---|---|---|
| *(ký, họ tên, đóng dấu)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

*Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)*: Ba triệu, ba trăm năm mốt nghìn, sáu trăm đồng chẵn.

- Từ HĐ GTGT,giấy đề nghị thanh toán, phiếu thu và phiếu chi, thủ quỹ thu chi tiền và ghi sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.10), đồng thời kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.11).
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.12)
- Từ sổ cái, kế toán vào bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối năm, tổng hợp số liệu vào BCTC.

**Biểu số 2.10: Sổ quỹ tiền mặt**

Đơn vị: **Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

*Tháng 05 năm 2011*

*Đơn vị: Đồng*

| NT ghi sổ | NT CT | SHCT | | Diễn giải | Số tiền | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn |
| | | | | **Số dư đầu kỳ** | | | **3.149.277.678** |
| ..... | ..... | ... | ... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 15/05 | 15/05 | 065 | | Thu nợ cước V/C tàu Navigator HP -HCM | 13.640.000 | | 3.430.637.678 |
| 15/05 | 15/05 | | 072 | Tạm ứng phí ĐL tàu Navigator | | 14.640.000 | 3.415.997.678 |
| 15/05 | 15/05 | 066 | | Rút tiền ngân hàng về nhập quỹ | 350.000.000 | | 3.765.997.678 |
| 16/05 | 16/05 | | 073 | Thanh toán tiền mực | | 3.351.600 | 3.762.646.078 |
| ..... | ..... | ... | ... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| | | | | **Cộng phát sinh** | **10.500.640.177** | **7.593.513.488** | |
| | | | | **Dư cuối kỳ** | | | **6.056.404.360** |

Đã kiểm tra đủ chứng từ.

**Kế toán trưởng** **Thủ quỹ**

*(ký, họ tên)* *(ký, họ tên)*

*(Trích tháng 05/2011)*

**Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung**

**Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu**

Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Tháng 05 năm 2011*

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK | | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 14/05 | PC071 | 14/05 | Thanh toán chi phí hoạt | 642 | | 4.420.000 | |
| | | | động xe T04/2011 + tiền | 133 | | 442.000 | |
| | | | công tác phí | | 111 | | 4.862.000 |
| *15/05* | *PT065* | *15/05* | *Thu nợ cước V/C tàu* | *111* | | *13.640.000* | |
| | | | *Navigator HP - HCM* | | *131* | | *13.640.000* |
| *15/05* | *PC072* | *15/05* | *Tạm ứng phí đại lý tàu* | *141* | | *14.640.000* | |
| | | | *Navigator* | | *111* | | *14.640.000* |
| *15/05* | *PT066* | *15/05* | *Rút tiền gửi ngân hàng* | *111* | | *350.000.000* | |
| | | | *về nhập quỹ* | | *112* | | *350.000.000* |
| *16/05* | *PC073* | *16/05* | *Thanh toán tiền mực* | *642* | | *3.192.000* | |
| | | | | *133* | | *159.600* | |
| | | | | | *111* | | *3.351.600* |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | | **42.956.370.000** | **42.956.370.000** |
| | | | **Cộng lũy kế** | | | | |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Biểu số 2.12: Sổ cái**

**Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu**

Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản :Tiền mặt

Số hiệu :111

*Tháng 05/2011*

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đ/ư | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | **3.149.277.678** | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | ..... | ..... |
| 14/05 | PC071 | 14/05 | Thanh toán chi phí hoạt | 642 | | 4.420.000 |
| | | | động xe T04/2011 + tiền | 133 | | 442.000 |
| | | | công tác phí | | | |
| *15/05* | *PT065* | *15/05* | *Thu nợ cước V/C tàu* | *131* | *13.640.000* | |
| | | | *Navigator HP - HCM* | | | |
| *15/05* | *PC072* | *15/05* | *Tạm ứng phí đại lý tàu* | *141* | | *14.640.000* |
| | | | *Navigator* | | | |
| *15/05* | *PT066* | *15/05* | *Rút tiền gửi ngân hàng* | *112* | *350.000.000* | |
| | | | *về nhập quỹ* | | | |
| *16/05* | *PC073* | *16/05* | *Thanh toán tiền mực* | *642* | | *3.192.000* |
| | | | | *133* | | *159.600* |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | ..... | ..... |
| | | | **Tổng số phát sinh** | | **10.500.640.177** | **7.593.513.488** |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | **6.056.404.360** | |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

### *2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng*

Nhiệm vụ của kế toán tiền gửi tại công ty phải phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, việc chấp hành các chế độ quy định về quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Kế toán tiền gửi ngân hàng phải được theo dõi chi tiết theo từng loại tiền gửi và phải chi tiết theo từng ngân hàng để tiện việc kiểm tra đối chiếu.

Hiện nay, Công ty có tài khoản tại 4 ngân hàng, dưới đây là TK ngân hàng và số dư được theo dõi chi tiết tại 4ngân hàng.

| Số hiệu TK | Tên Ngân Hàng | TK ngân hàng (VNĐ) | Số dư (VNĐ) |
|---|---|---|---|
| 11211 | NH Indovina Hải Phòng | 3002474001 | - |
| 11212 | NH TMCP Nhà Hà Nội - CN Trung Hòa Nhân Chính | 090000331309 | 587.874.544.101 |
| 11213 | NH Techcombank Hà Nội | 11120048854017 | 19.809.308.969 |
| 11214 | NH TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình | 0111100162004 | 822.193.936 |

a. Tài khoản sử dụng:

Để theo dõi số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112. Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 112 như sau:

- Bên nợ:

  + Các khoản tiền doanh nghiệp gửi vào ngân hàng.

  + Số chênh lệch thừa chưa rõ nguyên nhân.

- Bên có:

  + Các khoản tiền doanh nghiệp rút ta từ ngân hàng.

  + Khoản chênh lệch thiếu chưa rõ nguyên nhân.

- Số dư nợ: Số tiền doanh nghiệp hiện đang gửi tại ngân hàng, kho bạc, các công ty tài chính.

- Tài khoản liên quan: 152, 153, 211, 156,...

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

Các chứng từ, sổ sách sử dụng :

+ Giấy báo nợ, giấy báo có
+ Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu
+ Séc, chuyển khoản
+ Sổ phụ ngân hàng…
+ Sổ chi tiết, sổ cái TK 112

**Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán vốn bằng TGNH**

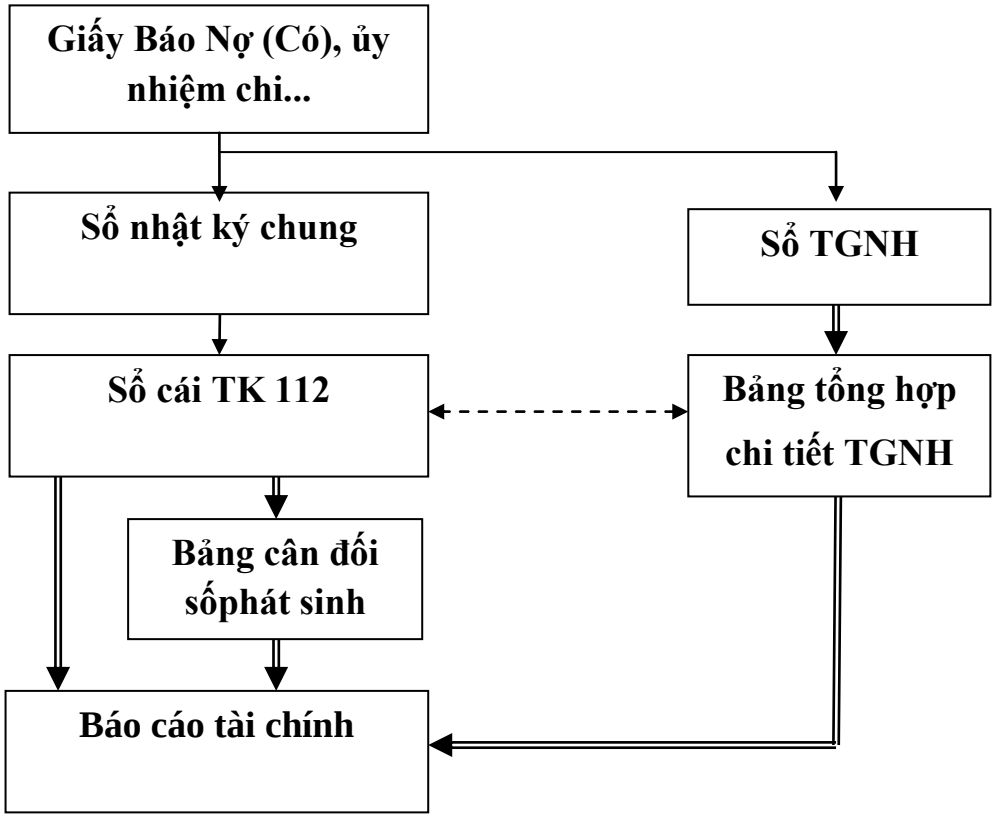


Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

+

+ *Thu tiền gửi ngân hàng:*

- Thu từ việc kinh doanh dịch vụ
- Thu tạm ứng, đặt cọc
- .....

**Ví dụ 3.1**: Ngày 09/05/2011: Công ty CP VTB Hoàng Anh trả tiền cho thuê định hạn tàu N.Eagle, tổng số tiền thanh toán là 99.577.500 VNĐ thuế GTGT 10%

- Căn cứ vào HĐ GTGT (liên 3) số 0000264 (biểu số 2.13) và Giấy báo có của ngân hàng (biểu số 2.14), kế toán lấy làm chứng từ gốc để ghi sổ.

**Biểu số 2.13: HĐGTGT số 0000264**

**CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU**

NAMTRIEU SHIPPING COMPANY LIMITED

Km 90+300 Đường 5 Mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3745696 Fax: (84.31) 3745696

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: Nội bộ)

**Mã số thuế: 020078732** **Mẫu số: 01 GTKT - 3LL - 01**

| | |
|---|---|
| Mã khách hàng: | Ký hiệu: **02AA/11P** |
| Tên khách hàng: | Hóa đơn số: |
| Tên đơn vị: Cty CP VTB Hoàng Anh | *0000264* |
| Địa chỉ: | Ngày hóa đơn: |
| Số tài khoản: | 09/05/2011 |
| Hình thức thanh toán: TGNH | Mã số thuế: 0200123506-001 |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| | Cho thuê định hạn tàu N.Eagle | | | | 90.525.000 |
| | | | | Cộng tiền hàng: | 90.525.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % | | | | Tiền thuế GTGT: | 9.052.500 |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **99.577.500** |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ***Chín mươi chín triệu, năm trăm bẩy mươi bẩy nghìn, năm trăm đồng./***

| **Người mua hàng** | **Người lập hóa đơn** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

**Biểu số 2.14: Giấy báo có số 15**

Ngân hàng: Indovina chi nhánh Hải Phòng

A1/9 Lo 8A, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền Hải Phòng

**PHIẾU BÁO CÓ**

*Ngày 09 tháng 05 năm 2011*

| | |
|---|---|
| Kính gửi: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu | Số tài khoản: 3002474001 |
| Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng. | Loại tiền: VNĐ |
| | Loại tài khoản: Tiền gửi |
| Mã số thuế: 0200787320 | Số bút toán hạch toán: |
| Số ID khách hàng: 20116696 | 130TFIN111920015 |

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|---|---|
| Chuyển trả thuê định hạn tàu | 90.525.000 |
| Thuế GTGT | 9.052.500 |
| **Tổng số tiền** | **99.577.500** |

Số tiền bằng chữ: ***Chín mươi chín triệu, năm trăm bẩy mươi bẩy nghìn, năm trăm đồng./***

Trích yếu: Thanh toán tiền cho thuê định hạn tàu: Công ty CP VTB Hoàng Anh.

| **Lập phiếu** | **Kiểm soát** | **Kế toán trưởng** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

**Ví dụ 3.2:** Ngày 10/05/2011, xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng Indovina Hải Phòng số tiền là 270.000.000 VNĐ. Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ tiến hành viết phiếu chi (biểu số 2.15):

**Biểu số 2.15 : Phiếu chi tiền mặt số 061**

**Công ty: TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới, Hùng Vương, HB, HP

Mã số thuế: 0200787320

**Mẫu số 02-TT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 061

*Ngày 10/05/2011*

*TÀI KHOẢN GHI NỢ*: 112 270.000.000

Người nhận tiền :Đỗ Thu Hồng

Địa chỉ :Phòng tài chính kế toán

Về khoản :Nộp vào ngân hàng

Số tiền :**270.000.000**

Bằng chữ :***Hai trăm bẩy mươi triệu đồng chẵn***.

Kèm theo: chứng từ gốc:

*Ngày 10 tháng 05 năm 2011*

| Thủ trưởng đơn vị | Kế toán trưởng | Kế toán thanh toán | Người nộp tiền | Thủ quỹ |
|---|---|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

*Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)*: Hai trăm bẩy mươi triệu đồng chẵn.

Sau khi có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, người nộp tiền sẽ nhận từ thủ quỹ và đem đến ngân hàng Indovina Hải Phòng. Tại ngân hàng Indovina HP phát hành giấy nộp tiền (biểu số 2.16) ghi nhận số tiền Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào ngân hàng, người nộp tiền của công ty sẽ đem giấy nộp tiền và phiếu chi đưa cho kế toán tiền gửi để ghi sổ sách.

***Biểu số 2.16: Giấy nộp tiền***

Liên 2 / Copy 2

**NGÂN HÀNG INDOVINA HẢI PHÒNG** Số/No...Giao người nộp

Depositor s copy

**GIẤY NỘP TIỀN**

Cash Deposit Slip

*Ngày/ Date: 10/05/2010*

Tài khoản có/ Credit A/C No: 3002474001

Tên tài khoản/ Accont name: CT TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.

Số tiền bằng chữ/ Inword: ***Hai trăm bẩy mươi triệu đồng***.

Người nộp tiền/ Deposted by: Đỗ Thu Hồng

Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán

Tại ngân hàng/ with bank : NH Indovina Hải Phòng.

Nội dung nộp/ Remarks: Nộp tiền vào tài khoản

Số tiền bằng số
(Amount in figures)
***270.000.000***

| **Người nộp tiền** | **Giao dịch viên** | **Kiểm soát viên** |
|---|---|---|
| **Depositor s signature** | **Teller** | **Supervisior** |

**Ví dụ 4.1**: Ngày 12/05/2011 mua dầu của công ty Minh Châu đã trả bằng tiền gửi, tổng giá thanh toán là 220.000.000 VNĐ.

Khi phát sinh nghiệp thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000453 (biểu số 2.17), kế toán công ty gửi ủy nhiệm chi đến Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (biểu số 2.18).

Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi tiến hành viết giấy báo nợ số 21 (biểu số 2.19)

***Biểu số 2.17: HĐ GTGT số 0000453***

**HÓA ĐƠN GTGT**

**Mẫu số: 01 GTKT – 3LLL**
**02AA/11P**
**0000453**

( Liên 2 giao cho khách hàng)

*Ngày 12 tháng 05 năm 2011*

Đơn vị Bán hàng: Công ty TNHH TMDV Minh Châu

Địa chỉ: 19/80G Lê Lai - P.Lạc Viên - Ngô Quyền - HP

Số tài khoản: 02101010073883

Điện thoại: 04.8689919 MST: 0 2 | 0 0 6 0 7 7 0 | 8

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu

Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Số tài khoản: 32110000375752

Hình thức thanh toán:CK MST: 0 2 | 0 0 7 8 7 3 2 | 0

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Dầu máy | Hộp | | | 200.000.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng: | 200.000.000 |
| Thuế suất thuế GTGT: 10% | | | | Tiền thuế GTGT: | 20.000.000 |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **220.000.000** |
| Số tiền viết bằng chữ: **Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn.** | | | | | |
| Người mua hàng<br>*(Ký, ghi rõ họ tên)* | | Người bán hàng<br>*(Ký, ghi rõ họ tên)* | | Thủ trưởng đơn vị<br>*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)* | | | | | |

***Biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi số 477***

**UỶ NHIỆM CHI**

Số: 477

*Lập ngày 12/05/ 2011*

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN

PHẦN DO NH GHI

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu

Số tài khoản: 0111200331309

Tại Ngân hàng: NH TMCP Nhà Hà Nội

Tên đơn vị nhận tiền: CTY TNHH TM & DV Minh Châu

Số tài khoản: 02101010073883

Tại Ngân hàng: Đầu tư, phát triển thành phố Hải Phòng

Số tiền bằng chữ: **Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn.**

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền dầu

| TK Nợ |
|---|
| …….. |
| TK Có |
| …….. |

| Số tiền bằng số |
|---|
| 220.000.000 đ |

| **Đơn vị trả tiền** | **Ngân hàng A** | **Ngân hàng B** |
|---|---|---|
| Kế toán Chủ tài khoản | Ghi sổ ngày 12/05/2011 | Ghi sổ ngày ..... |
| | Kế toán Trưởng phòng kế toán | Kế toán Trưởng phòng kế toán |

***Biểu số 2.19: Phiếu báo nợ số 21***

NH TMCP Nhà Hà Nội

Chi nhánh Trung Hòa - Nhân Chính

MST: 011028372-019

**PHIẾU BÁO NỢ**

*Ngày 12 tháng 05 năm 2011*

| | |
|---|---|
| Kính gửi: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu | Số tài khoản: 090000331309 |
| Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng | Loại tiền: VNĐ |
| Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng. | Loại tài khoản: Tiền gửi |
| Mã số thuế: 0200787320 | Số bút toán hạch toán: |
| Số ID khách hàng: 20114475 | 090GN02081300021 |

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|---|---|
| Chuyển trả tiền dầu | 200.000.000 |
| Thuế GTGT | 20.000.000 |
| **Tổng số tiền** | **220.000.000** |

Số tiền bằng chữ: ***Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn.***

Trích yếu: Cty TNHH MTV VTB Nam Triệu trả tiền mua dầu của công ty Minh Châu.

| **Lập phiếu** | **Kiểm soát** | **Kế toán trưởng** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

**Ví dụ 4.2**: Ngày 19/05/2011 Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu chuyển khoản để tạm ứng cho công ty CP xây dựng số 6 thanh toán tiền mua vật tư tiếp tục thi công phần lắp đặt kính toàn bộ mặt ngoài theo HĐKT số 04/HĐKT - 09 ngày 05/05/2011.

Sau khi phát sinh nghiệp vụ, căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng (Biểu số 2.20), kế toán lên ngân hàng viết phiếu yêu cầu chuyển tiền (Biểu số 2.21), ngân hàng gửi giấy báo nợ (Biểu số 2.22) thông báo số tiền công ty phải thanh toán.

***Biểu số2.20*: Giấy đề nghị tạm ứng**

| | |
|---|---|
| UBND Thành Phố Hải Phòng | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Công ty CP xây dựng số 6 | ******* |
| ******* | *Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2011* |
| Số: 07/CV | |
| V/v: Tạm ứng | |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU

Căn cứ theo hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT - 09 đã ký giữa công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu và công ty CP xây dựng số 6 ký tháng 01/2009. Về việc: "Mua vật tư và đóng trần, nội thất" cho công trình : Trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển nam Triệu tại địa chỉ: Quốc lộ 5 phường Hùng Vương quận Hồng Bàng - HP.

Đang trong mùa mưa bão để đảm bảo an toàn cho công trình do bên A yêu cầu và tạo điều kiện cho bên B nhập vật tư tiếp tục thi công phần lắp kính toàn bộ mặt ngoài đề nghị Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu tạm ứng cho công ty chúng tôi số tiền đợt 8 là : 200.000.000 đ. (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn).

Rất mong quỹ công ty tạm ứng cho Công ty chúng tôi số tiền trên theo tài khoản đứng tên sau:

Tên : CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 6

Tài khoản : 102010000201478

Tại : NGÂN HÀNG TM CP CÔNG THƯƠNG HP

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Giám đốc**

*(Ký, đóng dấu, ghi họ tên)*

***Biểu số 2.21: Phiếu yêu cầu chuyển tiền***

Kính gửi: Ngân hàng Indovina, chi nhánh Hải Phòng

**PHIẾU YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN**

Cá nhân/ Công ty yêu cầu: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu

Chứng minh thư nhân dân/ Hộ chiếu: Điện thoại: 0313.745696

Địa chỉ tại Việt Nam: Km90+300, đường 5 mới - Hùng Vương- Hồng Bàng - HP

| | Loại tiền tệ | Số tiền |
|---|---|---|
| Chuyển đi: | VNĐ | **200.000.000** |

Bằng chữ: ***Hai trăm triệu đồng chẵn***.

Thanh toán: Ghi nợ tài khoản tại IVB số 3002474 - 001

Người hưởng ( đơn vị hưởng): CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 6

Tài khoản: 102010000201478

Ngân hàng của người hưởng: Ngân hàng TM CP Công Thương HP

Thanh toán: Trả tiền mua vật tư tiếp tục thi công phần lắp kính toàn bộ mặt ngoài theo HĐKT số 04/HĐKT - 09.

*Ngày: 19/05/2011*

*Dấu và chữ ký có thẩm quyền*

***Biểu số 2.22: Phiếu báo nợ số 23***

Ngân hàng: **Indovina chi nhánh Hải Phòng**

A1/9 Lô 8A, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền Hải Phòng

**PHIẾU BÁO NỢ**

*Ngày 19 tháng 05 năm 2011*

Kính gửi: Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu
Địa chỉ: Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200787320
Số ID khách hàng: 20116696

Số tài khoản: 3002474001
Loại tiền: VNĐ
Loại tài khoản: Tiền gửi
Số bút toán hạch toán: 130TFIN111920023

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|---|---|
| Chuyển trả tạm ứng | 200.000.000 |
| **Tổng số tiền** | **200.000.000** |

Số tiền bằng chữ: ***Hai trăm triệu đồng chẵn.***

Trích yếu: Tạm ứng cho công ty CP xây dựng số 6.

| **Lập phiếu** | **Kiểm soát** | **Kế toán trưởng** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* |

- Từ HĐ GTGT,giấy đề tạm ứng, phiếu báo nợ, báo có... kế toán ghi sổ tiền gửi ngân hàng cho ngân hàng Indovina Hải Phòng (biểu số 2.23) và NH CP Nhà Hà Nội (Biểu số 2.24), rồi tổng hợp vào sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.25), đồng thời ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26).

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.27)

- Từ sổ cái, kế toán vào bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm, tổng hợp số liệu vào BCTC.

***Biểu số 2.23: Sổ tiền gửi ngân hàng tại NH indovina Hải Phòng***

**Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu**

Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

*Từ ngày 01/05/2011 đến ngày 31/05/2011*

TK 11211: Tiền gửi tại ngân hàng Indovina Hải Phòng

*Đơn vị tính: VNĐ*

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đ/ư | Số tiền | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Báo nợ | Báo có | | | Gửi vào | Rút ra | Còn lại |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | | **890.540.000** |
| | | | ***PS trong kỳ*** | | | | |
| .... | ... | ... | ..... | .... | .... | .... | .... |
| 09/05 | | GBC 15 | Cty Hoàng Anh trả tiền cho thuê định hạn tàu | 511 3331 | 90.525.000 9.052.500 | | |
| 10/05 | | GNT 09 | Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng | 111 | 270.000.000 | | |
| 19/05 | GBN 23 | | Tạm ứng cho công ty CP xây dựng số 6 | 141 | | 200.000.000 | |
| .... | ... | ... | ..... | .... | .... | ..... | .... |
| | | | **Tổng phát sinh** | | **2.320.746.640** | **1.580.030.000** | |
| | | | **Dư cuối kỳ** | | | | **1.631.256.640** |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Biểu số 2.24*: Sổ tiền gửi ngân hàng tại NH TMCP Nhà Hà Nội**

Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu

Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

## SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

*Từ ngày 01/05/2011 đến ngày 31/05/2011*

TK 11212: Tiền gửi tại ngân hàng TMCP nhà Hà Nội

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đ/ư | Số tiền | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Báo nợ | Báo có | | | Gửi vào | Rút ra | Còn lại |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | | **18.787.454.410** |
| | | | ***PS trong kỳ*** | | | | |
| .... | ... | ... | ..... | .... | .... | .... | .... |
| *12/05* | *GBN 21* | | *Thanh toán tiền mua dầu cho cty Minh Châu* | *627 133* | | *200.000.000 20.000.000* | |
| 15/05 | GBN 22 | | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ | 111 | | 350.000.000 | |
| .... | ... | ... | ..... | .... | .... | ..... | .... |
| | | | **Tổng phát sinh** | | **4.873.151.640** | **9.470.567.000** | |
| | | | **Dư cuối kỳ** | | | | **14.190.039.050** |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Biểu số 2.25*: Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng**

Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu

## SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

*Tháng 05 năm 2011*

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Tên ngân hàng | Mã ngân hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Số dư cuối kỳ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | NH Indovina Hải Phòng | 3002474-001 | 890.540.000 | | 2.320.746.640 | 1.580.030.000 | 1.631.256.640 | |
| 2 | NH TMCP Nhà Hà Nội | 090000331309 | 18.787.454.410 | | 4.873.151.640 | 9.470.567.000 | 14.190.039.050 | |
| 3 | NH Techcombank Hà Nội | 11120048854017 | 9.809.308.969 | | 685.491.720 | 970.467.183 | 9.524.333.506 | |
| 4 | NH TMCP Quân đội | 0111100162004 | 822.193.936 | | 461.130.479 | 583.426.744 | 699.897.671 | |
| | **Tổng cộng** | | **30.309.497.320** | | **8.340.520.479** | **12.604.490.930** | **26.045.526.229** | |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Biểu số 2.26: Sổ Nhật ký chung***

Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu

Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Tháng 05 năm 2011*

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK | | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 09/05 | GBC | 09/05 | Cty CP VTB Hoàng | 112 | | 99.577.500 | |
| | 15 | | Anh trả tiền thuê định | | 511 | | 90.525.000 |
| | | | hạn tàu N.Eagle | | 3331 | | 9.052.500 |
| 10/05 | GNT | 10/05 | Xuất quỹ tiền mặt gửi | 112 | | 270.000.000 | |
| | 09 | | vào ngân hàng | | 111 | | 270.000.000 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 12/05 | GBN | 12/05 | Thanh toán tiền dầu cho | 627 | | 200.000.000 | |
| | 21 | | công ty Minh Châu | 133 | | 20.000.000 | |
| | | | | | 112 | | 220.000.000 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 19/05 | GBN | 19/05 | Tạm ứng cho công ty | 141 | | 200.000.000 | |
| | 23 | | CP xây dựng số 6 | | 112 | | 200.000.000 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | | **42.956.370.000** | **42.956.370.000** |
| | | | **Cộng lũy kế** | | | | |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Biểu số 2.27: Sổ cái TK 112***

Công ty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu

Km 90+300 Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng

*Tháng 5 năm 2011*

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đ/ư | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH CT | NT | | | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | **30.309.497.320** | |
| .... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 09/05 | GBC15 | 09/05 | Cty CP VTB Hoàng | 511 | 90.525.000 | |
| | | | Anh trả tiền thuê định | 3331 | 9.052.500 | |
| | | | hạn tàu N.Eagle | | | |
| 10/05 | GNT09 | 10/05 | Xuất quỹ tiền mặt gửi | 111 | 270.000.000 | |
| | | | vào ngân hàng | | | |
| 12/05 | GBN21 | 12/05 | Thanh toán tiền dầu | 627 | | 200.000.000 |
| | | | cho công ty Minh Châu | 133 | | 20.000.000 |
| 19/05 | GBN23 | 19/05 | Tạm ứng cho công ty | 141 | | 200.000.000 |
| | | | CP xây dựng số 6 | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| | | | **Tổng số phát sinh** | | **8.340.520.479** | **12.604.490.930** |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | **26.045.526.229** | |

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

# CHƯƠNG III
# MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NAM TRIỆU

## *3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức kế toán và công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.*

Sau hơn 4 năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động linh doanh đến nay, công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu tuy là 1 doanh nghiệp trẻ nhưng trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng dịch vụ, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty. Trong quá trình kinh doanh của mình, ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng cũng đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc ra quyết định và tổ chức công tác kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và hoạch định chiến lược cho các nhà quản lý.

Để hạch toán một cách chính xác các số liệu trên sổ kế toán đòi hỏi người làm công tác kế toán phải nắm vững thao tác nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt hiện nay là giai đoạn của công nghệ thông tin, máy tính giữ một vị trí quan trọng không chỉ với công tác kế toán mà còn với tất cả các vị trí trong doanh nghiệp, đòi hỏi các doanh nghiệp phải cơ giới hóa trong tính toán. Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu đáp ứng đầy đủ phương tiện máy vi tính, đảm bảo mỗi cá nhân trong các phòng ban có một máy vi tính sử dụng riêng.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

### *3.1.1. Ưu điểm:*

- *Về công tác quản lý:*

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa, công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho hiệu quả nhất, song bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

- *Về công tác kế toán:*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán đều được phân công công việc rõ ràng. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng

thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Về hình thức sổ kế toán: Hiện nay, công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu đang áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quá trình hạch toán và phù hợp với quy mô, điều kiện công tác kế toán tại công ty.

Do địa bàn kinh doanh rộng lớn nên công ty đã áp dụng kiểu vừa tập trung vừa phân tán để thực hiện công tác kế toán của mình. Đây là sự lựa chọn hết sức phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, tổng hợp trong việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty. Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

- *Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:*

Như đã phân tích ở phần trước, trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này, công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhập hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tiền, Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Công ty tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại ngân hàng, công tác hạch toán vốn bằng tiền được thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu, chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng theo mẫu quy định của bộ tài chính ban hành.

Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán liên hệ thường xuyên và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng. Công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng ngân hàng, mỗi ngân hàng có một sổ theo dõi riêng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng, thuận tiện.

Trên đây là một số những nhận xét về ưu điểm của công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu nói chung và phòng kế toán nói riêng trong việc tìm ra con đường có tính hiệu quả nhất cho kinh doanh.

***3.1.2. Hạn chế:***

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty vẫn còn tồn tại những nhược điểm sau:

- *Hạn chế 1:*

Hiện nay công ty có nhiều đối tác nên có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh về tiền mặt cũng như tiền gửi Ngân hàng. Việc tập trung ghi toàn bộ các nghiệp vụ vào nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa mở các sổ nhật ký đặc biệt như: Nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... sẽ khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc, không tiện cho việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ.

- *Hạn chế 2:*

Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn, chưa đảm bảo chế độ. Việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế. Trong khi đó để tồn quỹ tiền mặt nhiều sẽ nguy hiểm cho doanh nghiệp và cho cả thủ quỹ. Doanh nghiệp nên nộp tiền mặt vào ngân hàng, định mức một số tiền nhất định tồn quỹ vừa có lãi suất, vừa an toàn,

tránh tiêu cực.

Công ty hiện trả lương theo phương pháp truyền thống trong khi các công ty đã có thay đổi sang trả lương qua thẻ ATM rất thuận tiện và giảm áp lực cho thủ quỹ rất nhiều.

- *Hạn chế 3:*

Trên thực tế công ty chưa thường xuyên tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp khó khăn. Như vậy sẽ dễ xảy ra tình trạng lạm dụng quỹ. Do đó công ty phải tiến hành việc kiểm kê quỹ hàng tháng, cuối ngày thủ quỹ phải báo cáo cho giám đốc để hạn chế tiêu cực.

- *Hạn chế 4:*

Vì là doanh nghiệp mới thành lập so với các công ty vận tải còn rất non trẻ, thêm vào đó lượng vốn của doanh nghiệp không nhiều vì vậy doanh nghiệp chỉ mới đầu tư được loại tàu nhỏ vận chuyển các tuyến trong nước, cũng có bạn hàng là nước ngoài nhưng rất ít, doanh nghiệp hầu như đều thông qua một đại lý trung gian để giao dịch với nước ngoài, do đó không có đăng ký sử dụng TK 112.2 - Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ và TK 111.2 - tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ. Điều này đã gây nên không ít khó khăn cho doanh nghiệp.

- *Hạn chế 5:*

Hiện nay công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: word, excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ.

- *Hạn chế 6:*

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt

động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua đó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy trước được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiề tệ. Nhưng cho đến nay công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này.

## *3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.*

### 3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ trọng lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

### 3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

Với mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu lực, sau một thời gian tìm hiểu về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào nghiên cứu tình hình thực tế về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu.

### 3.2.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu

#### *3.2.3.1.Hoàn thiện về hệ thống sổ sách:*

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền gửi qua ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng loại ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Sau đây là mẫu sổ nhật ký đặc biệt nên dùng:

- Sổ nhật ký thu tiền (Mẫu số S03a1 - DN) (biểu số 3.1)
- Sổ nhật ký chi tiền (Mẫu số S03a2 - DN) (biểu số 3.2)

**<u>Sơ đồ 3.1</u>: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**:

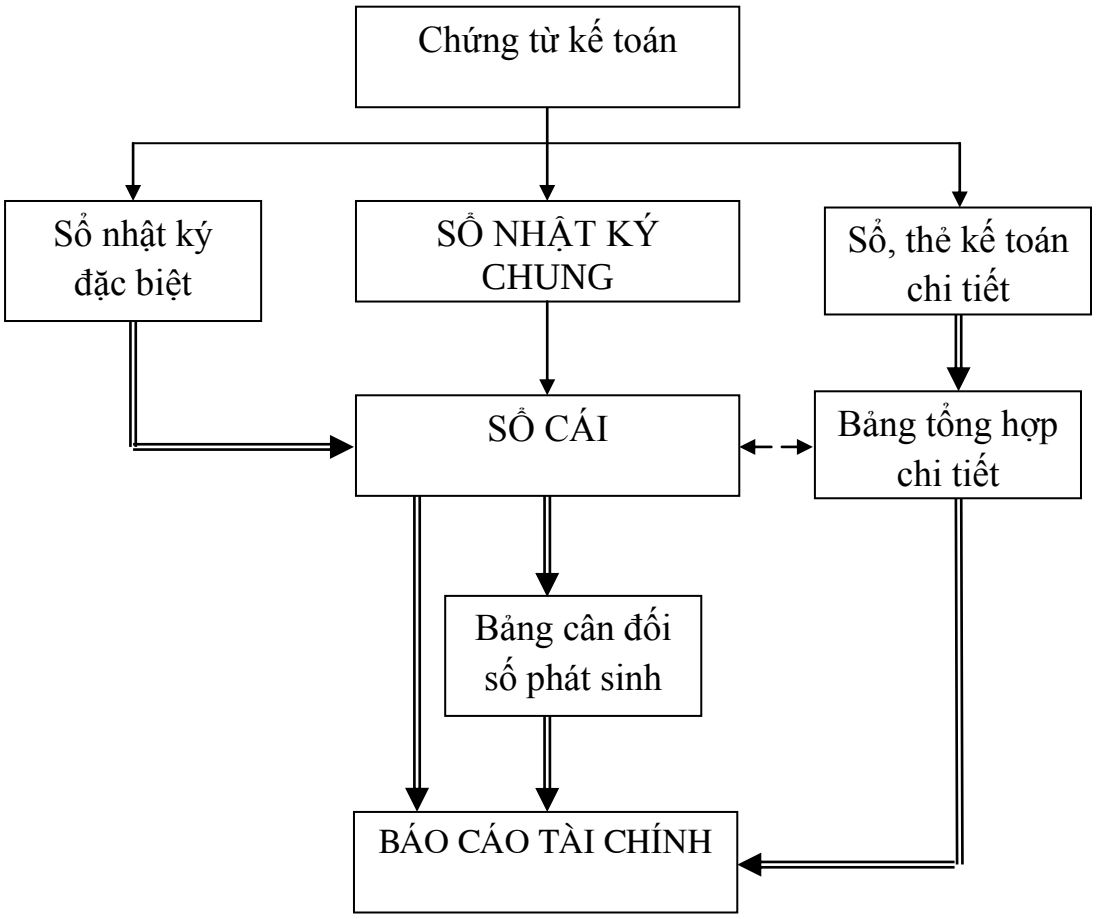


***Ghi chú :***

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

***Biểu số 3.1*: Nhật ký thu tiền**

**Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu**
Km 90+300 Đường 5mới - Hùng Vương - H Bàng - HP

**Mẫu số: S03a1-DN**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của BTC

## SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

*Tháng 05 năm 2011*

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi nợ TK 111 | Ghi có các TK | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | 131 | 112 | Tài khoản khác | |
| | | | | | | | Số tiền | Số hiệu |
| | | | Số trang trước chuyển sang: | | | | | |
| .... | .... | .... | ..... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/5 | PT 065 | 15/5 | Thu tiền cước V/C của cty TNHH Phúc An Thịnh | | 13.640.000 | | | |
| 15/5 | PT 066 | 15/5 | Rút tiền mặt về nhập quỹ | | | 350.000.000 | | |
| .... | .... | .... | ..... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau: | | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh số từ 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ.....

*Ngày..... tháng..... năm.....*

| **Ngày ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Biểu số 3.2*: Nhật ký chi tiền**

**Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu** **Mẫu số: S03a2-DN**

Km 90+300 Đường 5mới - Hùng Vương - H Bàng - HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của BTC

## SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

*Tháng 05 năm 2011*

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi có TK 111 | Ghi nợ các TK | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | 141 | .... | Tài khoản khác | |
| | | | | | | | Số tiền | Số hiệu |
| | | | Số trang trước chuyển sang: | | | | | |
| .... | .... | .... | ..... | ... | ... | | ... | ... |
| 15/5 | PC 072 | 15/5 | Tạm ứng phí đại lý tàu Navigator | | 14.640.000 | | | |
| .... | .... | .... | ..... | ... | ... | | ... | ... |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau: | | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh số từ 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ.....

*Ngày..... tháng..... năm.....*

| **Ngày ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên)* | *(ký, họ tên, đóng dấu)* |

***3.2.3.2. Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi ngân hàng.***

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống ngân hàng tăng trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp...

***3.2.3.3.Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ:***

Để có thể xác định được bằng tiền Việt Nam đồng tồn quỹ thực tế và số thừa so với sổ quỹ, trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch, doanh nghiệp cần tiến hành kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp. Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo giám đốc xem xét, giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê quỹ ( biểu số 3.3) gồm hai bản:

- 1 bản lưu ở quỹ
- 1 bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

***Biểu số 3.3: Bảng kiểm kê quỹ***

**Đơn vi:……..** **Mẫu số: 08a - TT**

**Bộ phận:…….** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**

***(Dùng cho VNĐ)***

Số:.....

Hôm nay, vào ....giờ ...ngày ...tháng ...năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: .....Đại diện kế toán

Ông/Bà: .....Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: .....Đại diện .....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải | Số lượng (tờ) | Số tiền |
|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ: | x | ..... |
| II | Số kiểm kê thực tế | x | ..... |
| 1 | Trong đó: | | |
| 2 | - Loại | ..... | ..... |
| 3 | - Loại | ..... | ..... |
| 4 | - Loại | ..... | ..... |
| 5 | - ... | ..... | ..... |
| III | Chênh lệch (III = I – II) | x | ..... |

- Lý do: + Thừa: .....

+Thiếu: .....

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: .....

| **Kế toán trưởng** | **Thủ quỹ** | **Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

***3.2.3.4. Hoàn thiện việc đưa tài khoản ngoại tệ vào hạch toán:***

Trong năm 2012, kế hoạch của công ty tập trung khai thác thêm tàu trọng lượng lớn để phục vụ cho thuê và vận chuyển ra nước ngoài. Vì vậy trong thời gian tới sẽ phát sinh rất nhiều nghiệp vụ ngoại tệ, mà Công ty làm việc với đại lý trung gian sẽ gặp rất nhiều khó khăn và không đạt hiệu quả cao trong kinh doanh. Do đó theo em, doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm TK 111.2 - tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ và TK 112.2 - Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh được thuận lợi.

***3.2.3.5. Hoàn thiện việc đưa phần mềm kế toán máy vào sử dụng:***

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã, đang và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Việc sử dụng phần mềm kế toán có nhiều ưu điểm như:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.

- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

- Giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm và kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản để họ giành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo.

Công ty có thể tự viết phần mềm kế toán theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/ TT- BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc " Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán"; hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần quản lý doanh nghiệp Fast
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa

- Phần mềm SAS- INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.

- Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ thực hiện theo sơ đồ sau:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

- Từ đó lập nên các báo cáo tài chính

***3.2.3.6. Hoàn thiện việc tổ chức lập báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng nó cung cấp thông tin về tài sản, nguồn vốn và tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Dựa vào BCTC các nhà quản lý đưa ra được những chiến lược phát triển của công ty trong thời kỳ kinh doanh tiếp theo. Hiện nay trong hệ thống BCTC của công ty còn thiếu một báo cáo là báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Thông tin phản ánh trong bảng cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin có cơ sở để đánh giá khả năng tạo ra tiền và việc sủ dụng những khoản tiền đã tạo ra trong các hoạt động của doanh nghiệp. Nó có tác dụng quan trọng trong việc phân tích, đánh giá, dự báo khả năng tạo ra tiền, khả năng đầu tư, khả năng thanh toán... Vì vậy, theo em Công ty nên tiến hành lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho ban quản lý Công ty có được các quyết định một cách nhanh chóng và chính xác đồng thời giúp các nhà đầu tư và những ai có nhu cầu sử dụng thông tin có những hiểu biết nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp.

**Đơn vi báo cáo:……..** **Mẫu số B03 - DN**

**Địa chỉ:…….** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
**(Theo phương pháp trực tiếp)(*)**
*Năm....*

*Đơn vị tính:.....*

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| 1. Tiền thuê từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | | |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | | |
| 3. Tiền chi trả co người lao động | 03 | | | |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | | |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | | |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | | |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | **20** | | | |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** | | | |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | | |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)** | **50** | | | |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **60** | | | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)** | **70** | | | |

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, đóng dấu. họ tên)* |

**Đơn vi báo cáo:……..** **Mẫu số B03 - DN**

**Địa chỉ:…….** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
**(Theo phương pháp gián tiếp)(*)**
Năm....

Đơn vị tính:.....

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| **1. Lợi nhuận trước thuế** | **01** | | | |
| **2. Điều chỉnh cho các khoản** | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | | |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | | |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | | |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | | |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | | |
| **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | **08** | | | |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | | |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | | |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | | |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | | |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | | |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | | |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | **20** | | | |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** | | | |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | | |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)** | **50** | | | |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **60** | | | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)** | **70** | | | |

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

# KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn. Khóa luận về " Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2011. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.

Em xin chân thành cảm ơn cô ***Th.S.Phạm Thị Nga*** và các cô chú trong công ty đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo tốt nghiệp này.

Sinh viên

***Nguyễn Thị Loan***

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Các sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ, các báo cáo tài chính của công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu.

2- Khóa luận tốt nghiệp của các khóa trước.

3- Hệ thống kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

4- Trang ww.webketoan.com.vn